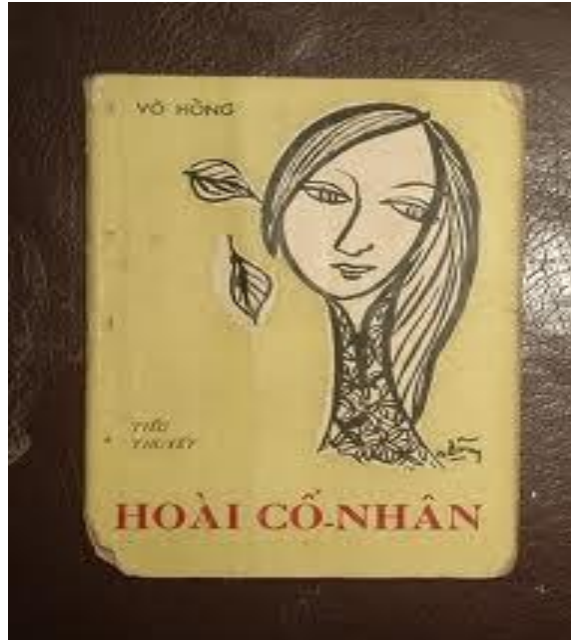


Võ Hồng

# Hoài Cổ Nhân



## Mục Lục

Hoài Cổ Nhân

Ngày Xưa

Một ngày đầu tháng chín năm 1942, tôi nhận được bức điện tín: “12 tháng 9 tới ga Hà Nội Stop Tìm dùm chỗ trọ Stop Hoàng Gia Lý”.

Tôi cảm bức điện tín, lòng rộn ràng vì bất ngờ. Hoàng Gia Lý là bạn tôi. Vào dịp hè, tôi về quê ở Ngân Sơn. Lý ghé lại nhà thăm và ngỏ ý sang niên khóa mới theo tôi ra Hà Nội học. Ba năm nay anh học ở Huế. Tôi tưởng rằng đó chỉ là một dự định nông nổi. Người ta ai cũng có thể dự tính nhiều điều, dự tính cả những điều mà họ biết trước hơn ai là không bao giờ thực hiện được.

Tôi học chung lớp với Lý khi tôi bắt đầu học lớp Ba trường phủ. Tôi bồi hồi nhớ lại cái cảm giác lo sợ rộn ràng khi đặt bước chân đầu tiên vào trường phủ. Từ nhỏ tôi phải học ở trường xã, một cái trường bằng ngói ở mòm đầu núi. Muốn lên đến trường phải trèo một cái dốc dựng đứng. Người chọn địa điểm này để cất trường ý chừng đã quan niệm rằng trường giáo

phải ở một nơi thật thanh tịnh, cách biệt hẳn với sự sinh hoạt của mọi người xung quanh. Đây là lần đầu tiên mà làng tôi, - nói rằng cả vùng tôi thì mới đúng, - có được một cái trường Nhà nước. Trước đó, người ta học chữ Nho. Trong khi chúng tôi cắp sách đến trường học văn B ba cái trứng, L quả lê, T quay tơ... v.v... thì trong xóm vẫn có nhiều đứa nhỏ như tôi và lớn hơn, ôm sách chữ Nho và mang cả nghiên cả mực đến học các thầy đồ. Hình như bắt chước cả bánh xe tiến hóa, bắt chước cả sự thể đã đổi thay, thầy đồ vẫn sang sàng giảng Tam tự kinh, vẫn dùng roi mây, vẫn bắt quì vò mít và vẫn bắt học trò tưới vườn chuối cho thầy, nấu nước pha trà hầu thầy. Thầy giáo trường Nhà nước thì như vẫn còn mang nặng tàn tích của thời kỳ Khổng Mạnh xưa kia mà chưa hoàn toàn biến đổi. Thầy là cái dướng nối giữa hai thời đại, thầy mặc áo dài và mang guốc. Vì quen mắt với bàn chân dơ nên được nhìn hai bàn chân sạch của thầy, sạch đến thấy được cả gân xanh và móng chân trắng nằm gọn trên đôi guốc mộc nép giữa quai guốc da, chúng tôi có cảm tưởng rằng đó là biểu hiện đầu tiên của văn minh. Lâu lâu, vào dịp Tết, thầy đi đôi giày vải trắng thì chúng tôi mừng như chính mình được ăn diện sang trọng. Khi ông Thanh tra tới thì thầy đội thêm cái khăn đóng đen. Trông thầy thật quả là sang trọng nhất vùng.

Lúc tiền chân ông Thanh tra xuống khỏi cái dốc ngược, lúc nghe tiếng xe ô-tô của ông Thanh tra rồ máy, lúc thấy thầy và ông cai trường hôn hên leo lên hết bậc chót của cái dốc, mặt đỏ kè, mồ hôi ướt vã đầy mặt và thấm qua áo, chúng tôi thấy thương thầy hết sức. Sau này, chúng tôi được biết rằng thầy và ông cai trường sờ dĩ mệt như vậy không phải là vì leo lên leo xuống cái dốc mà vì phải đẩy xe cho ông Thanh tra. Cái xe ô-tô chết tiệt phải quay mới nổ và thường thì quay mà không nổ. Ông cai trường có nhiệm vụ quay. Ông Thanh tra ngồi cầm tay lái. Quay mười vòng không nổ thì ông cai bỏ tay quay rồi cùng thầy giáo ra sau đẩy. Thật tội nghiệp cho cái thời xa xôi mà lũ nhỏ chúng tôi mới bắt đầu tiếp xúc với văn minh cơ khí. Nhiều đứa mỗi lần nghe còi xe vang lên ở đầu cầu là rủ nhau vội vã chạy xuống dốc trường. Khi xe chạy vụt qua, các anh nhảy xổ ra giữa đường, hít lấy hít để đám bụi mù sặc mùi ét-xăng, rồi khen rói rít: Thơm quá! Thơm quá!

Sở dĩ có hiện tượng đó là vì học trò của trường đa số là lũ trẻ góp nhặt ở năm, bảy làng lân cận. Nhiều anh từ nhỏ đến giờ cha mẹ bắt chuyên môn chăn bò, anh đến trường đem theo sự u mê (danh từ thầy giáo dùng để mắng chúng tôi) và sự bướng bỉnh. Nhưng rất phong phú về trò chơi: u mê, lên đồng, nhảy lò cò, đánh mạng, đánh đáo. Có nhiều chị chuyên môn đi hái củi đến nỗi tóc cháy vàng hoe. Đi học, họ làm như đi củi, mang theo muối vò chung với lá é để giờ ra chơi chạy vào bụi bờ bứt lá dang chấm muối ngồi ăn. Một số khác vốn quen với ruộng rẫy nên mỗi khi người ta dỡ khoai, đào sắn thì họ chạy tới cả đoàn để mót, để xin. Những củ khoai lang sống nhỏ bằng ngón tay út được nhai giòn tan và nuốt ngon lành. Chúng tôi ngây thơ hơn cứ nhìn rồi bắt chước lần lần. Ngây thơ thật, vì tuy là lớp Đồng Ấu song bạn của chúng tôi có nhiều anh tuổi có đến hai mươi và lực lưỡng thì y như những nhà nông thực thụ. Đến giờ ra chơi, họ vật tay suýt làm gãy cả chân bàn. Chúng tôi thành kính nhìn những bắp thịt nổi cuộn cuộn ở cánh tay, ở cổ, nhìn màu đỏ hừng hực ở mặt, ở vành tai và ở tròng mắt. Sự què mùa còn đọng đọng ở quần áo nữa. Quần thì vừa ngắn vừa chật. Áo cũng vậy. Quần áo toàn bằng vải to thể mà mẹ mua cũng không đủ nên thường may ghép đến hai màu. Nhiều khi áo xanh mà hai túi trắng. Có lúc cả áo trắng mà một tay áo lại màu xanh. Đi học thì cột một mo com, kèm đùm mắm.

Với cái quá khứ chung chạ bất ổn ấy, khi bước chân vào trường phủ, tôi thấy không khí trang trọng hết sức. Trường cất cạnh phủ đường, ở mãi cuối một cái sân rộng. Trên sân có trồng nhiều bồn hoa huệ sắp đặt thành những hình cân đối. Những thân cây bàng cao che rợp cả sân, trường học thành có vẻ oai nghiêm xa cách. Nhất là muốn đến trường, chúng tôi

phải đi qua một trong bốn cửa thành: cửa tiên, cửa hậu, cửa tả, cửa hữu, xây cất theo kiểu cổ bằng gạch dày hàng bốn, năm thước, trên có vọng môn cao. Đi ngang qua mặt phủ đường, chúng tôi còn bị choáng ngợp vì màu trắng của cái sân rộng sạch như lau, vì hai chú lính lệ gác cửa, vì mấy khẩu súng thần công há miệng đe dọa.

Trường chia làm hai phòng học, có hai thầy, thầy Tài dạy lớp Sơ đẳng, mặc âu phục; thầy Tùng dạy hai lớp, lớp Đồng Ấu và Dự bị, luôn luôn vận áo sa đen, nhưng rất chải chuốt tươm tất. Thầy ít nói nhưng hay mỉm cười. Mắt thầy cũng cười nữa. Học trò hay thì thầm với nhau:

- Cô cháu, em họ bà Lại mê thầy Tùng.

Hoặc:

- Thầy Tùng viết thơ cho chị Dung, cháu ông thông Nhất.

Có lần tin tức ly kỳ hơn:

- Thầy Tùng đi coi hát trường ở Phú Mỹ với cô Cẩm em thầy thông Ba. Chị Oanh cháu thầy đội Lê, nghe nói nổi ghen nên ra sông tự tử.

Có chuyện tự tử ly kỳ nên chúng tôi càng chăm chú nghe. Nhiều cái miệng tròn lại. Nhiều vẻ mặt nghiêm trang một cách khô hài. Chúng tôi tò mò nhìn thầy Tùng: thầy vẫn ăn diện chững chạc, vẫn mỉm cười bằng mắt và bằng môi. Thành ra chúng tôi bán tín bán nghi, không biết chuyện vừa rồi là đúng hay bịa. Nhưng có điều chắc chắn là thầy Tùng hay cười, vì thầy sung sướng, thỏa mãn. Sau này, mỗi lần nghĩ đến, tôi hay trở về cái kết luận: ái tình làm cho con người tươi vui, bông bột.

Ngoài những chuyện tình do thầy Tùng đóng vai chính, còn rất nhiều chuyện tình khác nữa mà vai chính bên nữ là các cô em hay cháu của các thầy Lại mục, thông Nhất, thông Nhì, thông Ba, đội Lê, v.v... Tội nghiệp cho các tiểu thư phải sống ẻo lả ở một phủ lý quê mùa. Tâm hồn đa cảm đa sầu của các cô đẹp như những dây hoa bị cỏ mọc lây lất ở một vùng đất cát khô cằn. Nhưng quả các cô đã làm đẹp cho cái phủ lý quê mùa này thật. Ngày chợ phiên Thành, bên cạnh màu đen cổ hữu của áo và quần của người mua bán, thỉnh thoảng lướt qua một tà áo xanh lục, một màu áo tím. Đó là hai màu mà lúc bấy giờ các cô thích mặc hơn cả. Hai màu này đã làm tươi lên những khung cảnh trong ngày thơ ấu của tôi ở phủ lý Tuy An.

Bạn học của tôi lẽ tất nhiên là sang trọng hơn hồi ở Ngân Sơn. Tên cũng đẹp hơn. Không còn những: Hồ Văn Láu, Ngô Đột, Trần Lía. Không còn một xâu anh em ruột cách nhau hàng năm, sáu tuổi mà vẫn cùng học chung một lớp (vì trường mới mở lần đầu) và tên của họ nối tiếp nhau như một tràng chuỗi: Nguyễn Tao, Nguyễn Tui, Nguyễn May, Nguyễn Mẫn hoặc Lê Lãnh, Lê Lụa, Lê Tơ, Lê Thao. Lần đầu nghe những cái tên đẹp khiến cho mỗi lúc thầy giáo kêu đến, tôi có cảm tưởng như nghe một tiếng đàn: Lê Hoàng Mai, Ngô Gia Lưu, Trần Thị Kiều Thu, Bùi Thị Niệm Nhi. Giờ tập thể thao, thầy Tài bắt mặc đồng phục: áo sơ mi ngắn, quần đùi bằng vải tám trắng - thực ra thì vàng vàng - cổ áo, vành tay áo, vành ống quần viền đỏ (!). Lại có hai đường đỏ chạy dọc ở hai ống quần nữa. Bữa mặc biểu diễn đầu tiên, sân tập như đông thêm. Lạ mắt vì mấy cái viền đỏ cứ chạy loanh quanh trước mặt, chúng tôi thấy ngượng ngượng một cách lý thú. Giữa cái rừng trắng trắng đo đỏ ấy có riêng một anh

mặc một bộ cùng kiểu nhưng lại màu đen viền trắng. Vải trang đậm đen nhánh, vải tàu bay trắng tinh, đường may cẩn thận. Thầy Tài gọi:

- Hoàng Gia Lý, sao không mặc một màu cho giống anh em?

- Thừa thầy, bà nội con mới may bộ này cho con. Bà con bảo đẹp.

- Ô, thôi cũng được.

Tôi ngạc nhiên cho mãi đến sau này: thầy là một nhân cách bao dung khó có. Chúng tôi nhìn anh Hoàng Gia Lý. Anh mặc bộ đồ quả thật đẹp, nhất là da anh trắng. Đôi mắt sáng và nét mặt rạng rỡ, thông minh. Thân Lý mảnh khảnh. Tôi lưu ý đến Hoàng Gia Lý từ đây. Anh có một vết sẹo dài chạy dọc theo cằm... sau này quen anh, tôi thấy nó không xấu mà hình như hơi có duyên là khác. Vì khi nghĩ rằng cái sẹo ấy mất đi, tôi sẽ thấy vẻ mặt ấy không phải là vẻ mặt của Lý nữa. Nó sẽ trơ trẽn, thiếu sự đậm đà.

Hỏi anh con ai, anh trả lời:

- Cháu bà Cử Hai.

Nhà anh là một căn phố buôn bán ở con đường chính. Bà anh buôn hàng vải, khá to. Anh lại cũng có một căn nhà ở cửa Đông, nằm mé ở đồng ruộng. Nhà có vườn trồng cây mát mẻ. Lần đầu tiên đi qua nhà anh thấy ở ngõ có trồng cây bông giấy màu đỏ và có hoa tigôn bò khắp mặt rào, tôi cho là nhà anh sang trọng. Vì hoa giấy đỏ chỉ ở nhà thương mới có trồng và hoa tigôn tôi thấy bò chung giàn với dây thiên lý ở giàn hoa quan phủ. Nhưng dù có lòng mến Lý, tôi cũng không khi nào nói chuyện riêng thân mật với Lý. Chúng tôi chỉ thỉnh thoảng, khi cần, trao đổi với nhau vài câu về việc học.

Hết niên khóa, tôi lên lớp Nhì, phải ra trường tỉnh ở tận Sông Cầu để học. Mỗi lần lên lớp phải dời trường, như thế là hầu hết các bạn tôi đều nghỉ học. Và lại, lúc bấy giờ sự học còn quý nên mãi lớp Ba có cấp bằng Sơ học yếu lược là các anh đã dư sức làm ông Lý trưởng hay ông Chánh, Phó tổng rồi.

Ra Sông Cầu tôi không ngờ được gặp lại Lý. Tôi nhớ mãi một hôm tôi ghé lại thăm anh ở nhà trọ, anh mời tôi một bát bánh canh hai xu. Từ đó, thỉnh thoảng hai chúng tôi rủ nhau đi tắm biển. Vì khờ nên có lần hai đứa đều bị hầu cắt đứt da ngón chân. Những chiều chủ nhật, hai đứa lấy đá đập trái bàng khô để lấy nhân ăn. Có bữa rủ nhau đi khèo trái keo hay hái trái tra.

Hết năm lớp Nhì A (còn gọi là lớp Nhì đệ nhất niên hay lớp Nhì nhỏ), bỗng không thấy Lý đi học nữa. Dù ngày hè tôi vẫn về nghỉ ở quê cả ba tháng, dù nhà Lý cách nhà tôi không quá bốn cây số, nhưng tôi không thân với Lý đến mức phải háo hức đi tìm thăm bạn.

Cứ như thế, tôi học cho hết năm lớp Nhì B, hết năm lớp Nhất ở Sông Cầu. Đỗ Tiểu học xong, tôi cùng một người bạn ra học ở trường Cao đẳng tiểu học Qui Nhơn. Thế là tôi không hề gặp Lý nữa.

Lâu lâu, chợt nghe trong câu chuyện với bạn bè ở quê nhà, tôi được nghe người ta nhắc đến Lý. Thoạt đầu là tin Lý thôi không đi học để về học chữ Nho. Tôi nghĩ cũng phải, vì ông của Lý là một cử nhân Hán học (ngớ ngẩn thay lý luận). Nhưng người kể chuyện giải thích:

- Lý có một người cô lấy chồng giàu ở Thạch Thành. Nhà buôn thuốc Bắc. Lý học chữ Nho để ngồi bán thuốc Bắc.

Tôi ngây thơ hỏi:

- Đi học hơn chớ? Còn nhỏ mà đi làm công?

- Không phải làm công. Cô Lý cung Lý lắm.

Tôi ờ... ờ, không nghĩ sâu sắc thêm, không lý luận thêm. Bẵng đi một độ không biết bao lâu, chợt tôi lại ngẫu nhiên được nghe tin tức về Lý.

- Lý đi học...

- Tôi biết rồi. Lý đi học chữ Nho để bán thuốc Bắc cho nhà cô Lý ở Thạch Thành.

Người bạn tôi mỉm cười có vẻ như thương hại.

- Ai nói vậy? Lý thôi bán thuốc Bắc lâu rồi. Cô Lý cho đi học lại.

- Học ở đâu? Quá tuổi rồi.

- Lý xuống Tuy Hòa, học ở trường tư thực Bình Minh.

- À... à... Ở Tuy Hòa mà cũng có trường tư thực à?

- Có chớ. Nhưng này...

Tôi đang sắp lơ đãng thì cái giọng “nhưng này...” hơi bí mật bắt tôi lưu ý.

- Sao?

- Lý và một cô bạn học thương nhau ghê lắm.

- Cô nào vậy?

- Cô Xuân, con ông chủ khách sạn Đồng Nhon.

- Ông Đồng Nhon ở Sông Cầu mà!

- Ờ, nhưng đã dời về Tuy Hòa năm kia. Ở Tuy Hòa buôn bán phồn thịnh hơn.

- Chắc họ nói thêm đấy. Còn nhỏ mà!

- Họ khóc lóc với nhau. Họ thề với nhau nữa mà!

- Khóc? Thề? Chắc không có đâu!

- Mà ngu lắm.

- Kệ tao.

Câu chuyện đã kết thúc một cách hết sức ngỡ ngàng. Lý yêu và được yêu lại là một điều tự nhiên, tôi có thể tin được, vì Lý trắng trẻo xinh trai, nhưng tôi vẫn cho là người ngoài họ phóng đại. Khóc với nhau? Thề nguyện với nhau? Hơi khó tin.

Sau đó mấy năm, ngẫu nhiên tôi nhận được bức thư của một anh bạn cũ, anh Dương ở từ Tuy Hòa gửi tới. Lúc bấy giờ tôi đang học ở Hà Nội. Trong thư Dương nói rằng hiện đang dạy học cho trường Bình Minh ở Tuy Hòa. Bình Minh? Hừ, cái tên nghe quen quen. Trong thư trả lời, tôi bắt Dương viết rõ ràng hơn về cái trường anh hiện đang dạy. Dương làm theo lời tôi. Thì ngẫu nhiên thay, trường Bình Minh chính là nơi khởi đầu mối tình Xuân-Lý. Tôi nhân dịp, bắt Dương kể rõ ràng hơn về mối tình này.

Sau đây là đại lược những điều Dương kể:

Vào Sơn Hòa được một năm, cô Lý cho Lý học lại. Vì quá tuổi, không xin vào trường Nhà nước, nên Lý phải xuống Tuy Hòa học ở trường Bình Minh. Cùng học một lớp có Xuân, con gái ông Đồng Nhon. Hai người yêu nhau. Ông Đồng Nhon biết được, đánh mắng con nhiều lần, rồi ông giao cho vợ kiểm soát con. Tính ông nghiêm khắc, vợ sợ lắm, tuân lời răm rắp. Nhưng vì quá sợ mà bả trở lại che chở cho con, sợ ông đánh con nặng tay. Rốt cuộc, họ ở trong cái vòng luẩn quẩn.

Hết năm lớp nhất, Xuân ra trường Đồng Khánh ở Huế học. Lý vào Nha Trang. Họ vẫn thư từ khăng khít với nhau luôn. Hai năm sau, Lý bỏ Nha Trang ra Huế học luôn, hai người có dịp gặp lại nhau.

Trong giai đoạn này, có lần Dương viết cho tôi:

- Ông Đồng Nhon tức tối lắm khi nghĩ rằng con mình không thuộc quyền điều khiển của mình nữa. Ông định rút con về, không cho đi học nữa, nhưng bạn bè khuyên giải lại thôi. Ông có đến nhà bà cô Lý ở Thạch Thành, yêu cầu rầy la ngăn cản Lý. Bà cô chỉ hứa âm ừ. Hai bên có cãi nhau. Tức quá ông thề không bao giờ gả Xuân cho Lý. Nhiều điều kiện “độc địa” được kèm theo để đảm bảo lời thề ấy.

Ở một căn gác trọ xa xôi giữa phố Ngõ Trạm, tôi đọc bức thư của Dương, vừa ngồi vắn vơ nghĩ đến Lý. Tôi tưởng tượng một anh chàng trắng trẻo xinh trai, hơi rụt rè. Ừ, bản chất của Lý hình như là dè dặt rụt rè lắm mà! Thế mà khi yêu thì lại cuồng nhiệt đến thế? Tiếp theo, tôi thương hại Lý vì mối tình ngang trái của anh ta. Ông Đồng Nhon, theo lời Dương, theo những sự việc nhiều người thuật lại, quả rất nghiêm khắc. Và lại, vào trường hợp ông, ai cũng dư điều kiện để nghiêm khắc vì kẻ phải đối phó chỉ là con mình và nghiêm khắc chỉ có lợi cho mình. Tương lại của Lý chưa có gì đảm bảo là sáng sủa hơn tương lai của Xuân cả. Gia đình của Lý thì lại không hơn gia cảnh ông. Lý luận một lát, tôi thấy quả Lý đã gặp trở ngại trong tình yêu. Nhưng lạ chưa, đồng thời vắn vơ thương hại Lý, đồng thời tôi thấy rằng Lý sung sướng. Được yêu người, được người yêu, chẳng thú vị sao? Trở lực bên ngoài chỉ làm tăng giá trị của tình yêu. Họ càng thêm sung sướng vì thấy mình thêm xứng đáng với người yêu của mình. Thật mâu thuẫn. Tôi quay ra thương hại ông Đồng Nhon hùng hổ nhưng bất lực. Và, lạ chưa, tôi lại quay ra ghen với Lý, vì tôi chưa được hưởng một mối tình cay đắng, đậm đà như thế.



Biết được những uẩn khúc của mối tình ấy nên tôi không tin rằng Lý sẽ ra Hà Nội, mặc dù chính anh gặp tôi và nhờ tìm chỗ trọ giùm. Học ở Huế chẳng thích sao? Ngày nghỉ được gặp chị Xuân chẳng êm đềm sao. Nhưng thực tế là bức điện tín hiện nằm trong túi áo sơ mi tôi đây và tôi đang lên ga Hà Nội đón Lý đây. Tôi tự nhủ:

- Lại có những biến chuyển mới.

Tàu tới. Từ toa hạng nhì, Lý nhanh nhẹn nhảy xuống. Anh mặc sơ-mi chèn, quần short trắng. Đôi bít tất thể thao trắng bó ống chân. Tôi ngạc nhiên thấy đôi chân vạm vỡ, trái ngược với khuôn mặt mảnh mai. Chúng tôi bắt tay nhau. Lý nói trước:

- Tôi cứ sợ anh không nhận được điện tín. Thấy anh lên đón, mừng quá!

Tôi không biết nên nói lại lời gì. Tôi cứ bị ám ảnh vì mối tình của anh, nên tự nhiên tôi coi anh như khác với mọi người; do đó, tôi có cảm tưởng rằng phải tìm những lời gì đặc biệt để trao đổi cùng anh. Túng quá, tôi phá tan sự im lặng bằng một câu nhảm:

- Ở Huế nóng lắm phải không anh?

- Tôi không biết rõ. Tôi ở Tuy An ra thẳng đây.

- A! Anh không ghé lại Huế?

- Không.

Ngừng một giây, tôi tiếp:

- Nguyễn Đức Tâm làm gì rồi? (Tâm là bạn cũ của chúng tôi)

- Làm thư ký ở Sở Đạc điền, Sông Cầu.

- Nguyễn Chín?

- Ở nhà. Nay đã đổi tên lại: Nguyễn Duy Minh.

Tôi mỉm cười một mình. Đổi tên cũng là một công việc.

Hai chiếc xe cao-su đưa chúng tôi về nhà trọ ở phố Sinh Từ. Lý bàn ngay đến việc học. Anh quyết định xin vào học lớp Seconde (1) trường Thăng Long. Chiếc bàn nhỏ dành cho phần anh, sáng hôm sau đã đầy những sách vở, chồng xếp tươm tất. Có lẽ, đồng thời anh cũng đã quyết định đoạn tuyệt với cái quá khứ mơ mộng thiết tha để xây dựng lại một cuộc đời cần mẫn, trong sạch. Tôi lắng nghe anh đọc những định luật hình học, những công thức hóa học mà lòng vui vẻ băng khuâng. Phải, băng khuâng vì nhìn anh, tôi có cảm tưởng như nhìn một con chim nhỏ vừa thoát khỏi nanh vuốt của một con ó dữ tợn. Phải, băng khuâng vì tôi nghĩ, không biết ở ký túc xá trường Đồng Khánh, cô Xuân cũng ngồi nhăm học công thức hóa học tươi tỉnh như anh hay úp mặt vào gối mà thôn thức? Thật rắc rối là anh Lý. Anh đem lại cho tôi không biết bao nhiêu ý nghĩ vẩn vơ. May thay, không lúc nào tôi phải suy nghĩ vẩn vơ lâu. Hoặc có lúc thì anh Hòe vụt thích thú ngậm lên hai câu Kiều, hoặc có lúc thì anh Tuy ở phòng bên chạy sang hỏi vợ vẩn. Anh Hòe ở chung phòng với chúng tôi, học ở trường Cao đẳng Mỹ thuật. Anh quê ở Sơn Tây, có đặc tài ngậm Kiều. Khi anh bắt giọng lên ngậm thì dù

mãi mê làm toán hay mây mò tìm một chữ Anh làm bài dịch, chúng tôi cũng đều phải lắng tai nghe. Nghe xong chưa đủ, thế nào sau đó, khoái trá, chúng tôi cũng ba hoa bàn tán về thơ hay văn. Nếu có người này biết quý thì giờ thì bao giờ cũng có một hay hai người khác quên khuấy mất điều đó đề gợi ra vấn đề mà bàn nhảm. Tức quá, chúng tôi sửa lại câu Kiều anh hay ngâm:

*Vàng trăng ai xẻ làm đôi  
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường.*

ra:

*Vàng trăng ai xẻ làm đôi  
Nửa in gối chiếc nửa soi gậm giường.*

cho có vẻ tòi. Anh bình tĩnh ngâm câu thơ tòi đó. Thế mà chúng tôi vẫn lắng tai say mê nghe.

Anh Tuy ở phòng bên hình như chỉ ở nhà chơi không chịu đi học đâu cả. Ngồi buồn, anh hay sang phòng khác để kiếm chuyện nói nhảm. Anh làm ra bộ lừng khùng, như người mất trí. Có lẽ anh đã đọc ở một cuốn sách nào người ta tả một nhân vật có tài nhưng suy nghĩ quá thành ra lừng khùng. Nhà bác học lừng khùng trông chắc sang trọng nên anh ta cũng bắt chước cái vẻ lừng khùng ấy. Anh xăm xăm đi tới phòng chúng tôi, dừng lại, hỏi trống vào:

- Buồn không?

Hồ Văn Nghĩa, người Sa Đéc, nhỏ nhất trong bọn chúng tôi hay trả lời lại:

- Buồn. Đi đâu đó?

- Đi phiêu lưu.

- Nơi đâu?

- Một nơi vô định.

Thường đến đây thì Lý can thiệp:

- Nghĩa! Học đi. Đừng nói nhảm.

Có phải Lý đã lành bệnh rồi chăng?

Điều xét đoán của tôi sẽ không làm nếu thỉnh thoảng chừng dăm ngày anh không nhận một lá thư phong bì xanh nhạt mà anh đọc một cách tha thiết say mê. Đọc xong, anh bỏ mọi công việc để ngồi trả lời ngay. Rồi vội vã thay quần áo, anh đi ra đầu ngõ để bỏ vào thùng thư. Suốt ngày hôm đó, tôi thấy anh hút thuốc nhiều hơn thường lệ, anh quen tay gạt tàn thuốc lá mặc dù ở đầu ngọn lửa không kịp có một ngọn khói thuốc lá nữa. Nhưng qua một đêm, sáng ngày hôm sau, anh lại bận bịu bên sách vở.

Một hôm nhìn thấy Nghĩa ngồi mạng một miếng rách ở vai áo. Lý nói:

- Ném nó đi. Mạng làm gì?



Nghĩa nhìn anh:

- Ủng anh. Mình chịu khó ngồi mạng một chút, mặc đờ được vài tháng nữa.

- Làm trai phải lo những việc lớn. Ngồi tũn mủn những việc nhỏ mọn, tốn thì giờ.

Có đêm, Hòe thấy Lý ngồi châm điều thuốc này nối theo điều thuốc khác. Hòe bảo:

- Lý bỏ thuốc lá đi. Hút tũn lắm. Anh xem, mỗi ngày đêm một bao hết hai cắc.

- Hai cắc hay hơn, điều ấy không cần. Vấn đề là thuốc lá có đem lại cái thích gì hay không? Với tôi, thuốc là kích thích sự suy nghĩ. Hút thuốc, tôi thấy thú. Tôi không nghĩ đến hai cắc đó nữa. Mua được cái thú, hai cắc nghĩa lý gì?

Một hôm, cả phòng đi vắng chỉ còn mình tôi. Lý tâm sự:

- Có lẽ tôi thôi học anh ạ.

Tôi ngạc nhiên hỏi vội:

- Sao thế? Còn bốn tháng nữa thi. Mà anh học khá, có hy vọng đỗ lắm.

- Tôi biết vậy, nhưng sốt ruột lắm. Ngồi học bình tĩnh sao được trong khi tình hình biến chuyển bốn bên.

Tình hình biến chuyển? Quả tình hình có biến chuyển, nhưng có quan hệ gì đến lũ học sinh chúng tôi, đến anh Lý? Lúc bấy giờ chúng tôi đang ở vào khoảng đầu năm 1942. Nước Pháp bại trận ở Âu châu đã mở đường cho Nhật tràn vào Đông Dương. Nhân tâm xao xuyến. Những giá trị cũ lung lay trong không khí mới. Những cô đầm công cón không còn nghênh ngang ở trên phố Tràng Tiền mà được thay bằng những anh lính Nhật lùn, đi lạch bạch với vỏ gươm dài lê thê. Người ta hay bàn tán đến thời sự. Nhiều người vì không ưa Pháp nên hóa ra ưa Đức và Nhật. Thật hết sức là đơn giản. Họ không cần biết Đức thế nào, Nhật thế nào. Mặc dù vậy, họ vẫn lý luận rất hăng, thương ghét ra mặt.

Lý hay vắng nhà. Nhiều bữa để phần cơm cho anh đến mãi mười giờ đêm mà vẫn không thấy anh về ăn. Tôi không muốn dò xét cử chỉ Lý, nhưng tôi vẫn thấy có bồn phận phải hỏi thăm. Nếu để mặc thì có vẻ vô tình quá. Tôi hỏi:

- Độ rày bạn gì mà thấy anh hay về trễ?

Lý áp ứng:

- Có mấy vấn đề ở trường.

Tôi thường bỏ lưng không hỏi tiếp, hoặc bằng cách giả như bận việc gì, hoặc bằng cách lật đật chạy đi đâu đấy.

Nghi Tết năm ấy, Lý và tôi về quê ăn Tết. Tàu hỏa chạy gần tới Huế, Lý bảo tôi:

- Lát nữa tàu đậu ở Huế, tôi xuống ga có chút việc. Anh coi chừng dùm mấy cái va-li của tôi.

Tôi gật đầu, biết ngay chút việc đó là việc gì. Khi tàu chạy chậm chậm qua mặt ga Huế để sắp sửa dừng lại, tôi đưa mắt qua cửa sổ nhìn những người đứng đợi ở sân ga, đoán xem cô Xuân là ai. Người nào cũng có thể là cô Xuân vừa có thể không phải là cô Xuân. Khi tàu dừng hẳn, đưa mắt qua lại vài vòng, tôi thấy chỗ Lý đứng là một thiếu nữ mặc toàn đồ trắng. Chiếc nón lá che mặt chỉ lộ từ nửa má xuống cằm. Khi tàu huýt tiếng báo hiệu khởi hành, khi Lý đã nhảy lên tàu rồi, tôi có phương tiện để nhìn nàng kỹ hơn. Đó là một thiếu nữ chừng mười chín tuổi, gương mặt tròn. Nước da trắng phù hợp với đôi mắt hiền dịu. Màu áo, màu guốc đều trắng. Cả cái quai nón cũng trắng.

(1) tương đương lớp 11 hiện nay

Tết xong, vào học lại chừng được nửa tháng thì một tối Lý bảo tôi:

- Tôi đã xin thôi học rồi. Ngày mai tôi vào làm ở Tòa Đại sứ Nhật Bản, phòng quân sự.

Tôi gật gù suy nghĩ một giây rồi mới nói:

- Cũng được. Anh đã nghĩ kỹ?

- Đã.

- Có đi làm anh cũng vẫn còn ở trọ tại đây?

- Chắc thế. Cũng có thể tôi sẽ không được ở đây với các anh nữa. Nhưng đó là việc sau này. Hiện giờ chưa biết.

Nửa tháng sau, nhằm bữa tối tôi đi xi-nê về khuya, - có lẽ lúc bấy giờ đã 11 giờ rưỡi, - mở căn phòng, tôi thấy Lý ăn mặc tươm tất ngồi bên cạnh một cái rương và một cái va-li lớn. Bao nhiêu sách vở trên bàn đều dọn sạch, chăn màn cũng thu xếp đầu mắt.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Anh chuẩn bị đi đâu đấy?

- Tôi đợi anh từ tối đến giờ. Tôi đã phải giã từ chủ trọ và giã từ khắp các bạn bè rồi. Chỉ còn anh. Nội đêm nay tôi phải dọn sang Sở Hiến binh.

- Sao lại ở Sở Hiến binh? Anh làm ở Tòa Đại sứ chứ có làm ở Sở Hiến binh đâu?

- Họ chuyển tôi sang đó.

- Đừng chịu! Làm ở đó khổ cực.

- Tôi thấy rằng làm ở đâu cũng vậy. Miễn là họ có thể giúp đỡ mình.

- Giúp cái gì? Anh cần gì phải ai giúp?

- Có.

Nói đến đây, Lý ngật ngừng rồi thôi. Tôi nói tiếp:

- Làm ở Sở Hiến binh đi khuya về sớm không có giờ giấc nhất định, nhọc lắm. Vả lại, còn nguy hiểm nữa.

- Điều đó tôi biết.

- Thế sao anh không từ chối? Toyo Menka, Showa Tsusho, Mitsubishi Kaisha, Yokohama Speciebank... bao nhiêu chỗ cần người. Sức như anh vào làm ở những chỗ đó thong thả, điền đại gì lại đi làm Hiến binh.

Lý làm lý không trả lời. Cuối cùng, anh đứng dậy giơ tay cho tôi.

- Thôi tạm biệt anh. Tôi đã nghĩ kỹ rồi. Tôi cảm ơn anh đã giúp đỡ tôi trong những ngày đầu bơ vơ ở Hà Nội.

- Điều đó không đáng kể.

Lý vội vã nói tiếp, như sợ tôi nói thêm:

- Tôi sẽ thỉnh thoảng ghé thăm anh. Khi có việc gì cần hỏi tôi, anh cứ lại Sở Hiến binh ở cuối đường Gambetta hoặc viết thư cũng được. À... nhưng nhớ rằng hỏi Hoàng Gia Lý thì không ai biết được đâu đấy. Bây giờ tôi là Hô-ka-Li.

- Là cái gì?

- Hô-ka-Li.

- Hô-ka-Li là cái gì?

- Là Hoàng Gia Lý, phát âm theo Nhật ngữ.

- Hô-ka-Li.

Tôi đưa tay cầm lấy tay anh mà trong óc lật qua lật lại mấy chữ Hô-ka-Li. Cái tên đã đổi rồi thì không biết cuộc đời và mối tình của anh có còn giữ vẹn như xưa không?

Từ đó, thỉnh thoảng đi phố, tôi có gặp Lý. Những khi nhìn Lý đi ô-tô hòm tôi thấy vui vui, nhưng mỗi khi thấy anh đứng trên xe nhà binh mui trần với một tốp lính là lòng tôi thấy buồn, ái ngại. Tôi cứ băn khoăn tìm hỏi không hiểu vì sao Lý lại bỏ đi làm như vậy.

Vì yêu nước? - Có thể lắm.

Vì danh vọng sự nghiệp? Cũng rất có thể?

Vì tình duyên có sự trở ngại? - Sao lại không?

Lâu lâu, Lý ghé lại nhà trọ thăm lũ chúng tôi. Anh hay đem theo quà. Có lần là những tập sách tuyên truyền về Đại Đông Á với những hình đẹp. Hồ Văn Nghĩa thích ảnh đẹp nên vỗ lấy ngay. Có lần anh chỉ cho chúng tôi xem ảnh của Kỳ Ngoại Hầu Cường Để và ông

Chandra Bose rồi giảng cho chúng tôi nghe những bài báo viết bằng tiếng Nhật ca tụng tinh thần Quốc gia của các nhà ái quốc này. Có lần anh đem đến một cái bánh tổ làm tại Nhật Bản do quân bưu đưa sang. Anh em phòng tôi và các phòng khác chia nhau mỗi người một miếng nếm thử. Có lần anh không đem đến gi cả mà chỉ uể oải tìm chỗ nằm rồi nói:

- Mệt quá.

Chúng tôi ái ngại nhìn anh gầy đi. Nước da xanh và hổ mắt sâu xuống. Nhưng sợ anh buồn nên chúng tôi không ai nói. Chỉ có Nghĩa nhỏ nhất nên hay hấp tấp nhất, nói không kịp nghĩ:

- Anh Lý ơi! Sao anh ốm dữ quá vậy? Bộ ở trong quân đội nhin đói sao anh?

- Nói bậy mày. Lý đập lại.

- A!... nói vậy thì chắc là tại anh ăn ngọt không được chớ gì. Tôi nghe lính của họ ăn món gì cũng ngọt lịm hết. Kho cá mà ngọt quá chề đả...

- Ăn ngọt mạnh chớ sao. Mà, tao đâu có ốm, Nghĩa?

Vừa nói, Lý vừa xắn tay áo lên đưa ra đưa vào cho nổi bắp thịt.

Gặp bữa ăn, Lý hay ở lại ăn chung với chúng tôi. Nhìn anh ăn uống vui vẻ, pha trò vui vẻ mà cảm động. Anh gắp thịt luộc chấm mắm tép cặp với rau rồi vừa bỏ vào miệng vừa nói:

- Đúng là tinh thần Việt Nam.

Hòe đùa:

- Việt Nam banzai (vạn tuế)

Tôi bùi ngùi bảo Lý:

- Thế thì chiều nay anh ở lại đây ăn cơm. Chiều nay có giả cây nẫu với mẻ đấy. Nhằm vào món anh thích.

Lý vui cười:

- Đúng lắm, tôi thích giả cây lắm. Nhưng chiều nay không ở lại được. Thôi xin hẹn lần sau.

Ăn chưa xong bữa, chợt Nghĩa đứng dậy lấy áo khoác vào người (Nghĩa có tật ăn cơm phải ở trần) rồi lật đật chạy xuống cầu thang. Một lát sau nó rầm rập chạy lên, mở vội gói cầm tay, bày ra mấy phong bánh in.

Lý khen:

- Sang quá ta! Tráng miệng bằng bánh in đậu xanh mỡ.

Hòe giảng giải:

- Không đâu. Hôm nay thằng Nghĩa nó thết anh đấy. Ngày thường thì tráng miệng bằng thèo lèo thôi. Đêm qua nó lại đánh cò quay ăn một hơi được hai mươi tám bao Cotab đó anh Lý ơi!

- À!...

Nghĩa “à” to một tiếng như chọt nhớ ra, vội lại ngẩn tũ lấy năm bao Cotab đưa cho Lý.

- À, suýt nữa tôi quên. Anh cầm năm bao thuốc về hút.

Lý mỉm cười:

- Cái món “tương tư thảo” này, mày cho bao nhiêu tao cũng nhận.

Thăm chơi xong, Lý giã từ chúng tôi. Tiếng giày anh gõ lộp cộp trên sàn gỗ, quá hiên ngang mạnh bạo so với cái thân hình mảnh khảnh. Trọng tâm người anh như đã rơi thấp xuống ngang đế giày. Đôi vai cong cong. Cái đầu hơi chồm ra trước. Tôi nhớ một bữa nào trước đây, Nghĩa nó nói với tôi:

- Anh ơi, tôi coi cái tướng anh Lý nó lao đao quá.

Một ngày tháng Năm, tôi nhận được một bức thư của Dưỡng, trong đó có một đoạn Dưỡng viết:

“Anh có biết hiện giờ Lý ở đâu không? Xuân có gởi thư hỏi tôi, nhờ tôi viết thư hỏi thăm anh. Xuân bảo chỉ có anh là biết địa chỉ của Lý thôi. Xuân đã viết năm cái thư cho Lý rồi mà không thấy trả lời. Không biết Lý có nhận được không? Hay Lý hiện không còn ở đây...”

Tôi dè dặt không trả lời ngay cho Dưỡng. Đợi hôm nào gặp Lý hỏi lại đã. Nếu Xuân không được tin chắc chắn là tại Lý không muốn viết đó thôi. Tựu trung, hẳn có một uẩn khúc gì đây.

Hôm Lý ghé thăm, tôi đưa đoạn thư của Dưỡng cho Lý đọc. Anh lướt qua thật nhanh, trầm ngâm một giây rồi chậm rãi nói:

- Anh đừng cho biết địa chỉ của tôi. Cứ lờ đi đừng trả lời. Nếu Dưỡng cứ nhắc đi nhắc lại thì anh cứ nói rằng lâu ngày không gặp tôi. Tôi nhờ anh điều đó.

Nói xong, anh kêu xe tay rồi vội vã chào tôi:

- Tôi cần về sở gấp để sang Gia Lâm. Lúc này bom ném ở Gia Lâm. Thiệt hại khá nặng.

Chiến tranh mỗi ngày mỗi tràn lấn sang Việt Nam, đã đến giai đoạn phi đội Mỹ chiếu cố đến các căn cứ quân sự Nhật ở Việt Nam, thả bom trúng đích hơn và thường xuyên hơn. Sài Gòn bị ném bom. Hà Nội bị ném bom. Tháng Mười năm 1943, tôi nghỉ học chạy tản cư về quê.

Lý tiến chân tôi ra tận sân ga. Anh bùi ngùi nói:

- Thế là tôi bị lôi cuốn vào cuộc chiến tranh. Tôi không còn được cái thú vô tư của người đứng ngoài cuộc như các anh để thản nhiên xem người khác chém giết nhau.

- Đã chắc gì thân nhiên.

- Nhưng cũng gần vậy.

Khi tàu gần chạy, anh đưa cho tôi một phong thư và nói:

- Khi nào gặp Dưỡng, nhờ anh trao dùm thư này cho Dưỡng, để Dưỡng đưa lại cho Xuân. Có lẽ đây là cái thư cuối cùng của chúng tôi.

Khi tàu chạy, anh đứng lẩn sau những cột trụ, sau những người đi lại.

Về quê chừng được một tuần, tôi đi Tuy Hòa, thăm anh Dưỡng. Tuy rằng Tuy Hòa chỉ cách Tuy An có ba mươi cây số, nhưng đã bốn, năm năm rồi tôi chưa hề đi tới. Tôi bồi hồi nhìn nhà ga khá đồ sộ, dãy bungalow tươm tất, hai hàng phố chính kiến trúc theo kiểu cổ của người Trung Hoa, nghĩa là vừa thâm nghiêm vừa nặng nề. Dưỡng ở một cái nhà nhỏ ở bên chân núi Nhạn Tháp. Đó là nhà của mẹ vợ anh. Vợ anh buôn bán. Anh dạy lớp Nhất ở trường Bình Minh. Qua lời anh nói thì học trò rất mến anh vì anh dạy giỏi, phụ huynh mến anh vì học trò đi thi đỗ nhiều. Tóm lại, nghĩa là anh bằng lòng cái công việc của anh lắm. Tuy không nghe anh nói ra nhưng tôi cũng biết rằng anh bằng lòng cả cái vị trí hiện tại của anh lắm, vị trí làm rể một người đàn bà góa tần tảo đã đến ngày muốn nghỉ ngơi, vị trí làm chồng của người vợ đảm đang mà mẫu mực là bà mẹ siêng năng, vị trí làm cha một đứa con trai mặt giống mình. Nghi lại nhà anh một đêm, tôi thở được cái không khí bằng lòng đơn giản của cái gia đình nhỏ này. Cái gì cũng nho nhỏ, vừa phải, thanh đạm. Không ai muốn vươn cao lên một chút, không ai dám mơ tưởng xa thêm một tí. Tôi so sánh với những tình cảm cuồng nhiệt, mâu thuẫn, xâu xé, giằng co mà tôi sắp đem ra kể với anh. Tôi cố lùi lại cái giây phút mỗi một ấy. Khi biết rằng không thể lùi lại hơn, tôi bắt đầu:

- Chị Xuân thôi không học ở Đồng Khánh nữa?

- Về được ba tháng nay. Bác sĩ bảo yếu cần nghỉ thêm một thời gian.

- Ở nhà làm gì?

- Trông hàng cho mẹ.

- Ba chị có thay đổi ý kiến không?

Thấy Dưỡng có vẻ không hiểu ý tôi muốn nói, tôi phải giải thích rõ ràng hơn:

- Nghĩa là đối với việc Lý-Xuân ấy, ông hiện nay thế nào?

- Như xưa và chắc mãi mãi như xưa.

Anh hít một hơi thuốc lá rồi chậm rãi tiếp:

- Ông không có ác cảm với Lý. Lý hiền lành chí thú, hình như ông cũng thương. Mâu thuẫn bắt nguồn từ hai gia đình.

- Chúng ta đang nói chuyện về Roméo và Juliette rồi.

Thấy Dưỡng không nói tiếp, tôi lấy cái thư đưa cho anh.

- Đây là bức thư Lý nhờ anh đưa cho chị Xuân. Lát nữa đi dạy học, anh ghé tạt đưa dùm cho chị ấy.

Vì mãi mười giờ mới có chuyến tàu hỏa ra Chí Thạnh, nên Dưỡng cứ đi dạy, còn tôi ngồi ở bàn đọc sách đợi đến giờ ra ga. Chừng mười một giờ, thoáng có một bóng áo trắng đi vào. Một lát, vợ anh Dưỡng ra bảo tôi:

- Có chị Xuân muốn gặp anh.

Câu báo tin đã thay lời giới thiệu vì chị Xuân đứng liền sau lưng vợ anh Dưỡng. Tôi mời chị ngồi. Chị không ngồi mà đưa liền cho tôi bức thư của Lý viết cho chị, vừa bảo:

- Anh đọc dùm bức thư này, Lý nói có lạ không?

Tôi cầm lên xem. Đại để có những ý quan trọng:

“Em quên anh đi... Một khi không yêu nhau được, cản trở đủ đường thì đeo đuổi làm chi cho khổ cả hai, khổ cả gia đình... Nhất là bây giờ anh đã tàn tật...”

Không giấu được ngạc nhiên, tôi nói to lên:

- Tàn tật?

Chị hỏi lại liền:

- Anh Lý bị tàn tật thiệt hờ anh?

Tôi ấp úng không biết trả lời sao. Thì bằng một giọng tin tưởng, giọng tin tưởng đặc biệt của những người yêu nhiệt thành muôn thuở, chị nói luôn:

- Tàn tật có nghĩa là gì đối với tôi? Tôi đâu có yêu Lý vì Lý không tàn tật?

Tôi nhẹ người vì chị đã khéo tránh cho tôi khỏi phải nói dối. Tôi cúi xuống đọc tiếp. Không biết có phải vì thư viết bằng bút chì khó đọc hay vì Lý bôi rối hay vì chính tôi không bình tĩnh, nên tôi đọc mà không hiểu Lý dứt khoát muốn gì. Nhưng tôi cũng không bận tâm tìm hiểu thêm vì tôi biết đại để, những bức thư tình đều hay loanh quanh như thế. Ý của người viết không chắc đã phô diễn trung thành trong những chữ. Nhiều khi còn nên hiểu trái lại. Tôi quay sang chị:

- Ý chị thế nào?

Chị không đáp lại câu hỏi của tôi. Chị nhìn thẳng vào mặt tôi mà nói:

- Anh nên khuyên giùm Lý. Tôi biết Lý mến anh và nể anh. Anh nên khuyên giùm Lý.

Ánh sáng như đọng lại nhiều hơn ở mắt chị. Thì ra nước mắt đã lưng tròng. Tôi an ủi:



- Để tôi viết thư cho Lý thử xem.

- Tôi nhờ anh. Tôi chỉ biết nhờ anh.

Lúc ấy có tiếng còi tàu huýt lên. Tôi nhìn xuống đồng hồ thì vừa đúng lúc để tôi ra ga. Chị Xuân biết ý nên đứng dậy trước:

- Thôi anh ra ga kéo trẻ tàu. Tôi cảm ơn anh và xin lỗi vì đã quấy rầy anh.

Viết thư khuyên Lý? Tôi không thể làm việc thừa ấy được, mặc dầu mỗi lần nghĩ đến chị Xuân là trí nhớ của tôi quy tụ về đôi mắt ứa lệ của chị. Lý đâu có ngây thơ để cần phải được khuyên? Tôi đâu có hiểu rõ hoàn cảnh, hoàn cảnh chủ quan và khách quan của Lý để mà khuyên Lý? Lời khuyên sẽ dễ làm giảm giá trị của người khuyên nếu nó làm không đúng lúc. Tôi bình tĩnh đợi sự giải quyết của người trong chuyện.

Một ngày kia, tôi nhận được một bức thư. Nét chữ mềm mại. Tôi hồi hộp mở ra, lật đọc dòng chót để tìm tên người viết. Chị Xuân. Đại ý cũng như bữa nọ chị nói với tôi, có tha thiết thêm là ở chỗ chị đã thêm mấy đêm suy nghĩ. Không phải chỉ mấy đêm ấy thôi, tôi biết, mà chị đã từng suy nghĩ hằng mấy trăm đêm về trước rồi, có điều chị không nhớ hết đầy thôi. Chị lại khẩn thiết nhờ tôi khuyên Lý. Lạ thật! Người nào cũng chủ quan thấy điều gì mình nghĩ cũng phải là đúng và buộc người khác phải làm y theo ý mình mới gọi là đúng. Tôi hơi bực mình, không biết làm sao để vừa giúp chị, đồng thời lại vừa khỏi mang tiếng là khờ trước mặt anh Lý. Khó hết sức.

Tôi đang loay hoay thì có tin anh đã đổi vào Sở Hiến binh Sài Gòn. Sài Gòn gần Tuy Hòa hơn Hà Nội, nên tôi cho như đó là một sự may mắn. Rồi bỗng một buổi sáng kia, anh lầm lũi đi vào nhà tôi.

- Kia, anh Lý.

- Tôi vừa về, ghé sang thăm anh.

- Anh vẫn còn làm việc ở Sài Gòn?

- Vâng, còn. Tôi xin nghỉ một tháng.

- Thú nhỉ? Tha hồ nghỉ ngơi: Độ rày trông anh khá hơn những ngày ở Hà Nội.

Câu chuyện hàn huyên qua hết phần thủ tục, chuyển sang nội dung. Lý nói:

- Người Nhật họ không thực tình đối với ta.

- Điều đó tôi đã nói với anh ngay từ hồi chúng ta còn ở Hà Nội.

- Nhưng bây giờ tôi mới biết rõ ràng đích xác.

- Thế bây giờ anh tính sao?

- Khó quá.

Tôi không muốn anh tâm sự thêm nữa để khỏi phải góp những ý kiến về chính trị mà mình không biết chắc và mình không tin chắc là đúng. Nói chuyện với Lý, tôi không muốn dùng những câu xã giao thông thường hay những lối uyển ngữ nói nhiều và nói hăng hái để tựu trung không nói một cái gì hết. Tôi lái câu chuyện cho chuyển sang một khía cạnh nhẹ nhàng cởi mở hơn.

- Anh em thắng Nghĩa về Sa Đéc rồi?

- Về sau anh nửa tháng.

- Ô! Thế mà tôi cứ tưởng chúng nó gan lì lắm.

- Tụi Hòe, Xoang cũng đều về quê hết. Hà Nội độ sau này vắng vẻ lắm, buồn lắm.

Nói chuyện chùng một giờ, anh chợt ngần ngại hỏi nhỏ tôi.

- Cái chăn hôm nọ ở Hà Nội đem về, anh có còn giữ lại đó không?

Cái chăn? Tôi hiểu rồi. Đó là cái chăn dạ của Lý hôm đi tản cư tôi dùng để gói đồ đạc đem theo. Tôi trả lời:

- Còn đó.

- Anh cho tôi xin lại. Vài bữa nữa đám cưới mà thiếu cái chăn.

Tôi ngần ngại:

- Đám cưới...

Lý nói lúng túng, có vẻ ngượng ngập:

- Đám cưới của chúng tôi.

Khi tiễn anh ra cổng, tôi cứ nghĩ mãi đến “đám cưới” và “cái chăn”. Oái oăm hết sức là hôm anh sang thăm tôi lại mặc bộ nỉ màu xanh rêu mà cách đây hai năm chính tôi đưa anh đến hiệu may Hàng Trống chọn hàng và đặt may cho anh. Cái cà-vạt màu xanh lục anh thắt khéo hòa hợp với màu áo. Tự nhiên tôi nhìn sang cái chăn dạ màu nâu đã cũ. Một chút ghen ngào dâng lên làm tôi hơi khó thở. Hạnh phúc một cuộc đời, cuộc đời của một người say mê khao khát, ôm ấp nhiều hy vọng và hứa hẹn nhiều triển vọng, hạnh phúc đó cuối cùng chịu bằng lòng xây dựng bên cạnh màu chăn dạ cũ kỹ kia sao?

Cảm tưởng của tôi đối với cuộc hôn nhân thành tựu này thật hết sức là lẫn lộn, mâu thuẫn. Vui không hoàn toàn, mừng rỡ không rõ ràng, có cái gì ngượng ngập ở đây. Tôi hỏi một vài người biết rõ nội vụ hơn hết để tin rằng việc cưới hỏi Lý nói với tôi hôm nọ là việc cưới hỏi của chính anh. Người ta đều xác nhận rằng cả hai gia đình đã bỏ mọi hiềm khích, đã hy sinh tự ái để hai người trẻ khỏi đau khổ. Mặc dù nghe rõ vậy nhưng sao tôi vẫn ngờ vực rằng sự thật sẽ không diễn ra êm đẹp dễ dàng như thế đâu, như kết cuộc của một phim chiếu bóng đâu. Cho đến khi có người láng giềng - người này là một người nhà quê biết gia đình Lý chớ không thương không ghét - kể cho tôi nghe đám rước dâu, tôi mới yên tâm mà tin. Ông ta nói rõ ràng:

- Họ gái đi ô-tô ở Tuy Hòa ra. Xuống Phố Thoại chuyển sang xe ngựa. Xe ngựa có cấm bông.

- Máy cỡ xe ngựa?

- Bốn cỡ.

- Cấm bông gì?

- Đủ thứ: bông đào, đồng điệp, bông giấy... Tôi thấy rõ ràng mà.

- Thì ai nói rằng ông không thấy? Kể tiếp đi.

- Họ gái mang giày cườm và cầm dù.

- Còn họ trai?

Ông hít một hơi thuốc lá rồi mơ màng tiếp:

- Còn thằng rể và con dâu bận áo rộng.

Đó là chi tiết mà tôi đã vô tình mong đợi.

Câu chuyện tình đã kết thúc một cách êm đẹp nên không còn ai nhắc đến nhân vật nữa. Người ta bỏ quên họ để chuẩn bị cho tâm trí vấn vương về những thắc mắc khác.

Sau nửa tháng, Lý đi Sài Gòn. Xuân ở nhà quê với mẹ chồng. Dù xa nhau nhưng chắc Xuân không buồn vì mẹ Lý tốt và các em của Lý đều tốt. Và lại, chị còn đòi hỏi gì thêm khi trong suốt năm sáu năm thương yêu chị đã chỉ dám dự trù chia ly hơn là sum họp. Chắc Lý cũng nghĩ thế.

Sau đó, tôi nghe Lý được đổi về Nha Trang. Những người trong vùng trở lại nhắc đến Lý, nhưng lần này bằng một giọng thần phục. Số là lúc bấy giờ quân Nhật kiểm soát Đông Dương chặt chẽ hơn nên xe cộ của họ qua lại luôn. Lẽ tất nhiên Lý cùng đi với các sĩ quan Nhật, hoặc ghé lại Tuy Hòa, hoặc ghé lại Chí Thạnh, hai trung tâm thu nhật tin tức về Lý.

Vượt đến ngày Nhật đảo chính, Lý hầu như thành nhân vật trong một thiên anh hùng ca cho cả vùng đó. Người ta truyền miệng cho nhau không biết bao nhiêu là truyền kỳ về Lý. Nào Lý bận binh phục có đeo gươm rất dài. Nào Lý đeo một hàng mè đay vàng rực cả ngực. Nào Lý đội một cái mũ nhung đỏ chói. Nào xe hơi của Lý đậu kít ở trước nhà người cô của Lý, một tên lính chạy ra mở cửa xe, Lý bước xuống lẫm liệt... đi vào.

Có người cả quyết rằng chính mình đã thấy Lý cầm gươm chằm xuống đất, nói một tràng tiếng Nhật rồi trong năm phút, một đoàn tàu bay Nhật vù vù bay ra đảo lộn trên nền trời Tuy Hòa. Người khác bảo đảm là không phải tàu bay mà là một đoàn ô-tô nhà binh rầm rộ chạy ra, đậu suốt một dãy để đợi lệnh.

Có lẽ chỉ có mình tôi là hiểu nỗi khổ tâm của Lý thôi. Nhưng rồi tôi cũng lây cái vui, cái hào hứng của mọi người. Tôi thề bảo mình:

- Dù sao, những giây phút này cũng đền bù một đôi phần những nỗi lao tâm khổ trí của Lý. Dù sao cũng vẫn còn hơn là lúc viết thư cho người yêu anh bảo hãy quên đi, quên đi vì mình đã thành người tàn tật.

Ngày khởi nghĩa, tôi đang ở Đà Lạt. Ở Đà Lạt không có việc cướp chính quyền mà chỉ là chuyển giao quyền hành chánh, nhưng nghe nói ở mấy tỉnh miền Trung châu, sự xung đột có xảy ra, nhiều nơi khá dữ dội. Tôi lo cho số phận của Lý. Khi cuộc chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ, ăn lan dần ra khắp miền Nam Việt Nam, tôi tản cư lặn lội trên con đường Lâm Viên-Ninh Thuận. Thịnh thoảng mỗi lần nghĩ đến thời cuộc là tôi nghĩ đến Lý, một nạn nhân tiêu biểu của thời cuộc, của thời đại.

Ngót một năm sau, khi về đến Phú Yên, tôi được nghe tin Lý vẫn còn an lành. Anh về nằm ở quê nhà. Tôi lựa một bữa rảnh rỗi ghé sang thăm. Hai vợ chồng tươi cười ra đón. Anh siết chặt tay tôi, còn chị thì miệng cười như hoa. Chị đẩy cái xe đan bằng mây, trong đó có cháu bé ngồi và dạy:

- Bé Thảo chào bác đi.

Tôi liền nói:

- “Xuân du phương thảo địa”. Con này chắc là Phương Thảo đây.

Chị đỏ mặt thẹn. Anh mời tôi ngồi. Những cử chỉ: rót nước, mời nước, gạt tàn thuốc, đứng dậy, ngồi xuống hơi chậm chạp. Có lẽ đó là di tích của chiến bại. Anh không kể lại những sự việc đã xảy ra, tưởng như tôi đã biết hết rồi, anh chỉ nói đến một cách rất đơn giản vài nét của cuộc sống đơn giản hiện tại của anh. Những sự việc đã xảy ra cho anh, tôi có nghe qua, chúng không khác mấy với những điều tôi đã dự tưởng.

Rốt cuộc, tôi cảm ơn số mệnh đã cho anh sống nguyên vẹn để về ở bên vợ con. Khi anh nói chuyện với tôi, cứ một lát anh lại giật mình vì cháu Thảo hoặc đứng chồm quá trước xe, hoặc ngồi xuống hơi nặng. Có lúc miệng anh vừa nói, mắt anh vừa nhìn tôi, mà tay giờ ngang bé Thảo như che chở.

Mùa đông năm 1948, tôi ghé lại một lần ở Tuy Hòa thăm anh. Lúc bấy giờ anh lãnh một chức nhỏ phụ giúp ở Ty Cứu tế Xã hội. Anh bảo tôi:

- Cứu giúp những người khổ, đó là cái việc rõ ràng khỏi phải cân nhắc lý luận lôi thôi. Tôi tiếc không đủ năng lực để làm một y sĩ. Kẻ thù của một y sĩ có lương tâm là bệnh tật, là chết chóc, là cái chân bị sâu quặng, cái nhọt bị nung mủ, khúc ruột thừa bị sung. Ông ta cứ cắt, cứ mổ, cứ tiêm. Lương tâm để ông ngủ yên. Lương tâm, tôi có.

Tôi nhìn quanh cái gác trọ của anh. Cũng lại những đồng quần áo mắc lên thành ghế, những chồng sách để bừa bãi dưới sàn gỗ và cái gạt tàn thuốc cổ hữu. Đặt anh vào cái khung cảnh này như dễ trông hơn. Có lẽ vì quen mắt hơn. Tôi thấy tội nghiệp anh.

Mùa đông năm 1949, tôi vụt nghe tin anh chết. Tin hãi hùng, tôi nghe rõ ràng mà có cảm tưởng như mình nghe lầm. Trước đây nửa tháng, có tin anh đi thăm trại tế bần rồi bị sốt dọc đường. Anh gắng lội qua sông. Đến nơi, anh nằm vùi. Gia đình được báo tin đến vờng anh về, chữa thuốc Bắc nhưng mãi không mạnh. Anh được vờng đi nhà thương cho bác sĩ khám.

Rồi không hiểu vì bác sĩ bảo bệnh đã quá nặng hay vì thiếu thuốc, anh lại được vãng tới ông thầy thuốc Bắc có tiếng chữa bệnh thương hàn. Anh chết ngay tại nhà ông thầy.

Tôi đến thăm di hài anh. Những ngón tay cong lại trông rõ đốt xương. Tôi thân ái mở tấm giấy phủ mặt. Mắt anh nhắm nghiền. Da mặt xám sạm. Tôi nghe nóng nơi mắt mình. Tôi phủ lại tấm giấy. Trên bụng anh đắp ngang cái chăn, cái chăn dạ màu nâu.

Chị Xuân và cháu Thảo ở Tuy Hòa, chưa biết tin anh chết. Có lẽ chứng kiến ngay cái chết của anh, chị sẽ ít đau khổ hơn, vì chị khỏi bị người ta thương hại thêm. Tôi dự luôn cuộc đưa đám anh. Anh yên nghỉ ở khoảng đất đầu xóm. Ngày trước, mỗi lần đến thăm anh, tôi thân nhiên đi qua khoảnh đất này. Vì không lưu ý, tôi chỉ mang máng nhớ nơi đây có lá xanh, có cây phượng cao hoa đỏ, có vài con trâu gặm cỏ mơ màng. Đi vài trăm thước nữa thì tới nhà anh. Hôm nay, anh rời nhà, ra vĩnh viễn nằm nơi đây. Giã từ Huế, Sài Gòn, Hà Nội. Giã từ người yêu, kẻ thù, giã từ đau khổ, sự nghiệp, hạnh phúc...!

Chiến tranh tàn phá con đường ô-tô, sự đi lại hoàn toàn bằng đôi chân. Lâu lâu chị Xuân bế cháu hoặc từ Long Uyên (quê anh Lý) về Tuy Hòa (quê chị) hoặc từ Tuy Hòa ra Long Uyên. Vì con đường đi bộ ngang qua nhà tôi, nên không bao giờ chị quên ghé lại nghỉ chân. Cháu Thảo trắng mũm mĩm, giống ba ở cái miệng, giống má ở đôi mắt. Cháu bụ bẫm nhưng yếu, chậm biết đi, chậm biết nói. Tôi hay bế cháu vào lòng, siết cháu thật chặt. Mỗi lần làm như vậy, tôi có cảm tưởng như ngày nào siết chặt tay ba cháu. Có nhiều lần bế cháu đến nhà tôi là cháu đã ngủ khì trên tay chị. Chị đặt cháu xuống võng.

Tôi nhìn về mặt ngây thơ của cháu, nhìn bàn chân thon của chị. Bao nhiêu là trách nhiệm nặng nề Lý đã giao lại cho chị. Một quá khứ nặng đau khổ chỉ được đền bù bằng bốn năm Hạnh phúc - mà nào có hoàn toàn, - để rồi bây giờ chị lại đau khổ, cái đau khổ còn nặng gấp mấy hồi xưa vì chỉ có mình chị chịu đựng. Nỗi khổ khi con người chung chịu, ta không thấy nặng nữa. Tội nghiệp cho chị, cô đơn biết bao! Không muốn chị buồn nên không bao giờ tôi nhắc đến Lý. Chị cũng vậy. Chị nói chuyện hồn nhiên như hồi xưa, thật thà như một người em. Có lần chị dạy cháu chào tôi:

- Thảo ngoan, vòng tay chào bác nào.

Bé Thảo vòng tay lại, nhưng không cúi đầu được. Chị khuyến khích:

- Thảo cúi đầu xuống đi, ngoan đi.

Bé Thảo cố gắng nghiêng được cái đầu một tí. Chị thân mật bảo tôi:

- Cháu thấy anh lạ nên nhút nhát đấy. Ở nhà, cháu ham tập nói lắm. Cứ chiều chiều, hai mẹ con dẫn nhau ra sau vườn nhà, nhìn ra cánh đồng xa. Hai mẹ con ở đó hàng giờ...

Chị thôi không nói nữa, mi mắt chớp mau. Chợt chị mỉm cười, “à” lên một tiếng như chợt nhớ ra. Chị bế Thảo rồi cầm tay chỉ ra sân, chị nói:

- À, Thảo hát cái bài hát “Chiều chiều” cho bác nghe nào. Nào:

- Cò ơi...

Bé Thảo bập bẹ:

- bay về...

- bay về...

- phương nào...

- phương nào...

Chị vỗ tay khen. Bé Thảo vỗ tay reo. Tôi cũng vỗ tay theo như một cái máy.

Cò ơi, bay về phương nào...

Câu hát không lẽ dứt ở đó. Tôi chắc chị đã tiếp thêm bằng một câu nữa, bằng vài câu nữa buồn hơn.

Chiến tranh mỗi năm một quyết liệt, việc làm ăn mỗi ngày một khó khăn. Chị mở một ngôi trường nhỏ dạy học nuôi con, nhưng vì Tuy Hòa bị báo động tản cư luôn nên sự dạy dỗ không kết quả mấy. Thịnh thoảng trong những ngày hội nghị giáo dục tôi gặp chị, vẫn một màu áo trắng, đôi mắt dịu dịu, buồn buồn. Nhưng đôi môi vẫn tươi, nụ cười hiền lành kín đáo. Trên khuôn mặt đó có một vẻ gì khiến người ta muốn đến gần nhưng giữ người ta lại không cho đến gần quá.

Có lần, tôi nghe tin một số thanh niên có cảm tình với chị. Điều này tất nhiên phải xảy ra, tôi không lấy làm lạ. Các thanh niên ấy đều không phải là người địa phương. Điều này cũng dễ hiểu. Những người địa phương ai cũng biết mối tình thắm thiết giữa chị và anh Lý. Ít ai muốn, hoặc có can đảm, yêu một người khi người ấy là tượng trưng cho mối tình với một người khác. Ai cũng muốn hoàn toàn chiếm tâm hồn của người mình yêu. Người ta không chỉ ghen với một người thật, người ta còn ghen với một cái bóng, một kỷ niệm. Sau đó, tôi được nghe thêm những tin tương đối đích xác hơn về người đã yêu chị. Anh ta khẩn thiết xin cưới. Tôi băng khuâng, hơi đau đớn một chút.

Rồi tiếp theo, chiến tranh kết liễu. Tôi giả từ Phú Yên.

Một ngày kia, giữa giờ dạy Hán văn, tôi giảng về chữ Xuân. Khi phân tích cách viết, tôi nhớ đến cái con dấu mà anh Lý hay dùng đóng vào ở mọi quyển sách của anh. Con dấu tròn khắc sáu chữ Nho:

Tam nhân nhật

Hoài cố nhân

Dù không hỏi Lý nhưng tôi biết chắc “Tam nhân nhật” là chữ Xuân phân tích ra. “Hoài cố nhân” thì ai cũng hiểu là “Nhớ người xưa”. Tôi bảo học sinh:

- Để dễ nhớ cách viết chữ Xuân, tôi kể nhanh cho các anh chị em nghe một mẩu chuyện này. Tôi có một người bạn. Anh ta quen một người tên Xuân. Để nhớ mãi người này, anh thuê khắc một con dấu trên ghi mấy chữ “Tam nhân nhật, Hoài cố nhân”. Anh đóng con dấu ấy vào mọi quyển sách của anh. Tam, nhân, nhật, ghép lại thành chữ Xuân...

Tôi lên bảng viết từng chữ đơn rồi ghép lại.

Học sinh, vì lớp lớn, lao nhao hỏi:

- Rồi sao nữa thầy?

Tôi cắt ngang câu chuyện bằng cách bảo:

- Anh bạn tôi chết rồi.

Mọi người tự nhiên im lặng.

Khi Lý chết. Tôi còn giữ một quyển sách nhỏ của Lý. Tôi không đưa trả lại cho gia đình Lý vì quyển sách mang đầy những con dấu “Tam nhân nhật, Hoài cố nhân”, tôi muốn giữ làm kỷ niệm của Lý, của cả chị Xuân nữa. Quyển sách ấy Lý mua hồi còn ở Hà Nội. Có lẽ lúc bấy giờ xa người yêu anh càng nhớ nhiều nên cứ cách mười trang là anh đóng một con dấu.

Tôi đâu có nhiều thì giờ để năng nhớ đến Lý. Chỉ thỉnh thoảng khi nào mở sách ra là lòng lại bồi hồi nhớ đến người bạn xưa.

Một hôm, tôi ghé lại thăm anh Lợi, một bạn cũ ở Tuy Hòa vào, vừa cất một cái nhà xinh ở xóm Đồng Dưa. Câu chuyện bắt đầu bằng sự xây cất nhà cửa. Với những chuyện mạch rất tự nhiên và vô tình, câu chuyện đưa về thành phố Tuy Hòa. Tôi vụt hỏi:

Chị Xuân bây giờ làm gì ngoài đó?

- Xuân nào?

- Xuân-Lý đấy.

Bạn tôi cười to:

- Anh này mê ngủ hả? Chị Xuân nào còn ở Tuy Hòa?

- Chớ đi đâu?

Thấy tôi nghiêm trang hỏi, anh thôi không mỉm cười chế nhạo nữa. Anh thân mật nói:

- Lấy chồng rồi. Lấy chồng năm 1953 rồi.

Tôi không cười được mà cũng không buồn được. Hình như tôi đã chuẩn bị từ lâu để nghe câu trả lời ấy.

Chớ sao? Cuộc đời cực nhọc trong khói lửa chiến tranh đâu phải là một dạ hội có rượu ngon, thuốc lá, âm nhạc, đối với những người đàn bà góa trẻ, đẹp, yêu, có học thức như chị? Không ai trách chị được, chị chỉ đáng thương mà thôi. Đáng thương nữa là Lý, tôi nghĩ tiếp, nhưng tôi kịp thấy tôi đã nghĩ sai. Lý không có gì để đau khổ. Anh đã chết rồi nghĩa là đã giải thoát rồi. Nếu tôi có một ý nghĩ đau đớn về anh, chung qui cũng chỉ vì cái con dấu với hàng chữ Nho kia. “Tam nhân nhật, Hoài cố nhân”

Số mệnh oái oăm sắp đặt để người hoài cố nhân không phải là anh mà là chị Xuân. Đáng lẽ chị Xuân mới là người đóng cái con dấu “hoài cố nhân” trên những trang sách của chị đọc.



Óc tôi như vụn lóe sáng vì tôi chợt thấy rằng chữ Lý tên của anh cũng có thể phân tích ra thành những đơn tự. Đó là: Thập bát tử. Tự nhiên tôi như thấy cái con dấu lò lộ mấy chữ:

Thập bát tử

Hoài cố nhân

Nhưng than ôi, cũng lại số mệnh oái oăm đã cản tay chị Xuân không cho chị đóng con dấu ấy nữa. Chị có thể âm thầm nghĩ đến anh giữa hai cái mỉm cười với người hiện tại, nhưng nào chị có quyền ghi bằng một nét cụ thể trên trang giấy trắng.

Còn lại người thứ ba. Là tôi. Tôi không khắc một con dấu bằng đồng mà bằng câu chuyện tình nhỏ này. Ở một nơi xa xôi nào, nếu có vô tình chị đọc đến, chị cũng không nở trách tôi.

## Ngày Xưa

Tiếng còi tàu thét lên. Tôi nắm tay ông Vũ.

- Thôi, xin ông bà ở lại mạnh giỏi. Tôi ...

Tôi ghen ngào không thể nói tiếp. Tôi quay nhìn bên cạnh: bà Vũ nước mắt ràn rụa gương mỉm cười nhìn tôi. Bên bà, Bảo Loan đứng im lặng. Tay nàng nắm chặt chiếc mùi soa trắng. Tôi nhìn vào đôi mắt nàng long lanh dưới ánh sáng mờ của những bóng điện sân ga.

Ông Vũ bình tĩnh cầm tay tôi siết mạnh:

- Anh về quê tạm lánh một thời gian, chừng nào tình hình yên ổn thì lại ra. Có lẽ tôi cũng sắp đặt cho nhà tôi và con Loan nó vào Hà Đông...

Bà Vũ như sợ tôi quên, nên nhắc lại một lời mà mấy hôm nay bà căn dặn tôi mãi:

- Anh nhớ xem báo, thấy tình hình hơi yên ổn thì ra ngay. Nhớ viết thư cho chúng tôi luôn.

Tôi chỉ biết vâng dạ vì không có lời gì có thể diễn được tâm lòng của tôi lúc bấy giờ. Lòng tôi đang tràn ngập hình ảnh của Bảo Loan và ý nghĩ về Bảo Loan mà tôi có dám nói ra đâu? Ít nhất tôi cũng muốn nói rằng “Thôi em về...” để nghe nàng thần thờ đáp lại “Anh đi...” và tiếp theo là một tiếng thổn thức.

Nhưng thế mà tôi đành im lặng.

Quanh chúng tôi, những người chạy loạn hấp tấp, hối hả mang vác giỏ, xách va-ly, gồng gánh đùn nhau lên toa. Thịnh thoảng tiếng hành khách kêu hú nhau làm chúng tôi giật mình tưởng như nghe tiếng còi báo động ban đêm. Thật chỉ mới một tuần nay thôi, mới qua hai lần bị bom nổ mà người dân Hà Nội như đã nếm từ lâu lắm mùi vị thật của chiến tranh chết chóc.

Chợt tiếng còi tàu thét, rồi tiếng kèn sếp-ga tu tu. Tôi vội vã cúi chào một lượt ba người thân yêu rồi lùi lại, bước chân lên bàn đạp toa tàu. Tàu xinh xịch chạy.

Không có ai vẫy tay trên sân ga. Không có những kẻ nhàn tản chứng kiến cảnh đón đưa của những người thiên hạ.

Xình xịch... xình xịch... Tàu chạy chậm lướt qua mặt ba người thân yêu của tôi kia. Bóng họ ngã xuống đường, gãy ngoằn ngoèo qua những chỗ cao thấp, lồi lõm của sân ga và đường tàu nối tiếp. Bóng những trụ đèn cao cũng ngã xuống, cũng gãy ngoằn ngoèo. Tôi lo sợ rằng tương lai của tôi và mối tình giữa tôi và Bảo Loan cũng đang ngã xuống, cũng gãy ngoằn ngoèo như thế.

Điều tôi lo sợ không phải là không căn cứ. Những người chạy loạn, tạm chia tay nhau để đợi ngày trở lại. Tôi thì khác hơn, tôi ra đi mà không mong ngày trở về. Đối với đa số người khác, tản cư, chạy loạn chỉ là một giai đoạn bất trắc đến xáo trộn cuộc sống của họ trong một thời gian, với tôi, hình thức chạy loạn, là tản cư nhưng nội dung làm tôi đau đớn làm sự đổ vỡ của tương lai mình dự định.

Độ ấy tôi có mộng đi du học Nhật Bản. Lúc bấy giờ tổ chức trao đổi sinh viên giữa Đông Dương và Nhật Bản bắt đầu phát triển, Viện Văn hóa Nhật Bản ở Hà Nội đang sửa soạn gửi tiếp một số sinh viên trao đổi Việt Nam sang Nhật tiếp theo chuyến trước đã đến Nhật rồi. Tôi đang vận động để được lựa đi chuyến này. Có nhiều hy vọng được lựa nên tôi đã chuẩn bị chuyên đi.

Trong khi chờ đợi, chiến tranh Mỹ Nhật đột nhiên đi vào độ quyết liệt. Tàu chiến Hoa Kỳ đã xuất hiện ở ven biển Trung Hoa, đánh đắm nhiều tàu Nhật Bản. Từng loạt phi cơ phóng tháo Hoa Kỳ liên tiếp thả bom xuống ngay thành phố Tokyo. Từ thế công, quân đội Nhật đã phải chuyển sang thế cầm cự. Sự giao thông giữa Đông Dương và Nhật Bản đã gặp nhiều trở ngại, việc gửi tiếp một đoàn sinh viên trao đổi sang Nhật và một đoàn sinh viên Nhật sang Đông Dương đã thành khó khăn. Viện Văn hóa Nhật thu hẹp bớt phạm vi. Tôi bắt đầu mất hy vọng.

Ngày 10 và 14 tháng 10 năm 1943, phi cơ Mỹ thả bom xuống Hà Nội. Lệnh tản cư đưa ra. Những chuyến tàu chở người tản cư kéo hàng hai mươi toa râm rộ chạy suốt đêm. Tôi không thể còn ở lại Hà Nội nữa. Gửi lại tất cả đồ đạc, gửi lại cả một hy vọng rộng rãi về tương lai, tôi xách va-ly nhỏ lên ga Hà Nội, lên tàu xuôi Nam.

Tôi nhớ rõ, ngày 16 tháng 10, một buổi chiều xám, lạnh. Xung quanh mọi vật đen và buồn. Dãy bóng đèn trong toa hạng nhì cũng sợ, cũng buồn không chịu sáng.

Tôi về quê làm gì đây? Để tránh cái chết, nhưng tôi tiên giác rằng chính về quê là để chết, để chết dần tâm hồn của mình. Mấy năm hao phí tâm lực, tiền tài, kết quả chỉ là một cái mộng không thành. Trong khi ấy xung quanh tôi, những người bạn thực tế hơn đã thành ít nhất là những ông phán trẻ. Họ đã thuê được những căn nhà sáng sủa, có đèn điện, có xa-lông, có bàn viết, có những người vợ rất quê và rất giàu nên đáng dấp làm ra vẻ quý phái điểm trang. Những đám cưới linh đình có nhiều tiếng dội. Những ông láng giềng của tôi đã bắt đầu nói chuyện so sánh. Mỗi lần phải nghe những câu chuyện giàu sang, chức tước ấy, tôi thấy thương cho gia đình tôi. Gia đình những người bạn thực tế của tôi kia, họ há hê, vinh hiển biết bao nhiêu. Gia đình tôi không chùng cũng buồn vì thấy tôi sao chỉ dự định những chuyện viển vông gì mà không làm một ông phán danh giá như vậy. Tôi buồn nữa vì điều dự định về tương lai của tôi đã thất bại thì mối lương duyên của tôi ở Hà Nội cũng không thành. Tôi đã nghĩ khi nào có địa vị hẳn hoi tôi sẽ cưới Bảo Loan mà tôi yêu và đã yêu tôi. Nhưng hôm nay tương lai còn dành phần gì cho tôi nữa? Cả những nỗi buồn dồn dập ấy lại kèm thêm những mối lo. Tôi lo không biết người Pháp sẽ làm phiên tôi ngày nào. Lúc ấy người Pháp sẵn lòng

ráo riết những người có cảm tình với Nhật Bản. Họ sợ những sự hoạt động về chính trị. Tôi không có khuynh hướng chính trị, nhưng biết người Pháp có hiểu rõ như thế không? Tôi có thể bị tình nghi lắm. Ngày ở Hà Nội tôi đã bị Mật thám vào nhà trọ dò la. Thành ra tôi không buồn đi đâu cả, không muốn tin ở một ngày mai nào. Tôi còn lo cho gia đình tôi nữa, vì nếu tôi có bề gì thì gia đình tôi sẽ bị liên lụy theo. Tôi lo từng ngày một, buồn từng giờ một. Đôi lúc tôi giận mình sao có chi những cái mộng ngông cuồng như vậy để hại cho sự an nhàn của tâm tư. Tôi có cảm tưởng rằng sống mười năm lo lắng buồn phiền như thế ấy, tôi có thể giảm bớt đi một vài tuổi thọ. Tôi không bao giờ yên tâm, tôi luôn luôn lo lắng, tôi giận mình vì từng tiếng chó sủa trong đêm, vì từng tiếng người ồn ào ban ngày. Tôi sống trong sự khủng hoảng lớn về tinh thần. Giữa lúc đảo điên ấy, cuộc đời xui tôi gặp Vân. Thu Vân.

Một buổi xế mát không nhớ rõ là ngày nào, tôi đến nhà anh Thái chơi như thường lệ. Thái là bạn học cũ. Ở quê nhà, tôi còn được ngót mười người bạn cũ, bạn học từ hồi mới ê a chữ Quốc ngữ. Hầu hết những người bạn này bỏ học sớm, chỉ có Thái cùng tôi đeo đuổi học lâu hơn. Thái hiểu tôi, đồng ý với tôi ở nhiều điểm trong quan niệm sống nên chúng tôi thường nói chuyện với nhau. Nhà Thái lại ở giữa xóm, sát con đường giao thông qua lại nên là nơi tôi thường lui tới để giết thì giờ. Do sự thuận tiện ấy mà rất nhiều lần Thái biến thành vật hy sinh của tôi. Mỗi lúc tôi buồn, giận hoặc thắc mắc về một vấn đề gì tạp nhạp hay quan trọng, tôi đều đến để bắt Thái nghe.

Lần này đến chơi nhà Thái, tôi không đem theo một sự thắc mắc nào cả. Tôi vui vẻ theo con đường mòn giữa hai dậu hoa bìm rồi bước vào cổng sau.

Tôi lên tiếng gọi to trước khi vào cửa:

- Thái ơi, Thái có nhà không?

Không nghe tiếng trả lời. Tôi gọi to hơn rồi ngang nhiên bước vào phòng khách. Không có ai cả. Thì chợt ở nhà ngang có tiếng mẹ Thái nói sang:

- Anh Diệp qua chơi. Mời anh vô đây.

Tôi bước vào cửa vừa sắp nói một câu ba hoa theo thường lệ - mẹ Thái vốn vui tính - thì chợt ngạc nhiên im lặng: ngồi ở trảng kỷ đối diện với tôi kia là một thiếu nữ mặc áo hồng. Tôi thấy ngượng, mặt bình tĩnh. Người thiếu nữ chùng cũng ngượng và mặt bình tĩnh như tôi. Nàng loay hoay không biết có nên chào tôi hay không. Tôi giúp nàng thoát cơn bối rối bằng cách quay sang hỏi mẹ Thái:

- Thái đi vắng hờ thím?

- Nó vừa đi coi nhỏ mạ để sáng mai cấy đám ruộng Cây Duối.

- Thái làm ruộng? Thụ sinh hôm nay nhất định làm ruộng?

- Kia, bữa trước anh có hứa chắc là phen này anh cũng về quê nhà làm ruộng như thằng Thái kia mà.

Tôi đành cười xí xóa. Quả thật, bữa nọ tôi và Thái có ngồi bàn tính với nhau cả hai về làm ruộng thử xem sao.

Bên kia, người thiếu nữ lại loay hoay như định nói gì. Nàng đứng dậy. Mẹ Thái quay sang:

- Con cứ ngồi chơi. Anh Diệp đây mà, chắc con biết...

- Dạ...

Ba người lại im lặng, không ai biết nên nối tiếp câu chuyện như thế nào cho không khí đỡ ngượng. Mẹ Thái mới giới thiệu tôi với nàng mà quên không giới thiệu nàng cho tôi, thành ra tôi không biết nàng là ai. Ở quê nhà, sự giới thiệu là việc thừa. Trong cái vòng giao thiệp hàng ngày vừa eo hẹp vừa thân mật của mỗi người, người ta có bốn phận phải biết nhau. Nhưng vào trường hợp tôi, tôi không biết nàng. Dễ thường nàng cũng không biết tôi. Tiếng “dạ” của nàng kéo dài không nhất thiết có nghĩa là “dạ, con có biết” mà rất có thể là “dạ, con không hề biết”. Nhưng mẹ Thái đâu có tìm hiểu chi xa xôi, vợ vẫn như tôi!

Cuối cùng, tôi thấy nàng rụt rè đứng dậy:

- Thưa dì, cho con ra xe.

Mẹ Thái nhìn ra khung cửa:

- Mặt trời còn kia, còn sớm con về làm gì lật đật?

- Nhưng chân chừ một lát sợ không còn xe.

- Chẳng thiếu gì. Từ nửa tháng nay tàu bay Mỹ thả bom hụt cầu Ngân Sơn, bắn cháy xe Nhật Bản ở Chí Thạnh thì xe đồ phải chạy thâm về đêm. Con ngồi chơi lát nữa cũng chẳng muộn.

- Giờ này đi là vừa.

- Ừ thôi, tùy ý con. Kéo lỗ xe, con lại đỡ tại dì.

Nàng cười:

- Dì cứ nói vậy, con đâu dám. Thôi con chào dì.

Tôi chột lo rằng nàng sẽ lại chào tôi. Tôi nhút nhát, vội nhìn xuống tập sách mà lúc nãy ngồi lại bàn tôi đã tiện tay cầm lên. Tôi làm như đang chăm chú đọc. Tim đập hồi hộp. Tôi mong rằng nàng cũng hồi hộp, cũng nhút nhát như tôi để cuối cùng nàng lẳng lặng bước đi đừng chào tôi nữa. Thật tội nghiệp! Tôi đã 23 tuổi rồi, đã từng yêu mà vẫn rụt rè như cậu học sinh 16 tuổi.

Nhưng tiếng dép ngân ngữ rồi tiếng dép mạnh bạo tiến về phía tôi. Và tiếng nàng dịu dàng:

- Xin chào anh.

Tôi ngẩng lên nhìn nàng, luống cuống đứng dậy, lẩm bẩm:

- Không dám, chào cô.

Sự chạm mặt tưởng rằng đầy bờ ngõ khó chịu, không ngờ đã xảy ra dễ dàng tự nhiên đến thế. Tôi thấy tôi sẽ hối tiếc biết bao nếu nàng đi thẳng không chào tôi như tôi vừa mong.

Và bây giờ đến lượt tôi tiếc rằng đã không nhìn nàng kỹ hơn. Nàng như cũng thẹn nên vừa chào tôi xong đã lật đật quay đi. Thành ra tôi chỉ kịp nhận thấy đôi mắt đen trên khuôn mặt trắng xinh. Vòng quanh khuôn mặt là nền tóc nàng bộ lửng xuống vai. Đôi vai mảnh và dáng nàng thon. Thật là hình ảnh của một nữ sinh trong trắng tin yêu cuộc đời trước mặt.

Khi nàng đi khỏi, tôi hỏi ngay mẹ Thái:

- Ai vậy thím?

- Vân, con bà tham Quế ở Sông Cầu.

- Con bà tham Quế à? Thế cô ấy là em anh Nhân?

- Ờ.

Sau một giây im lặng, mẹ Thái nói:

- Hay anh Diệp... đi hỏi con Vân đi. Nó năm nay 19 tuổi.

Tôi chỉ mỉm cười mà không trả lời khi nghe nói đến việc cưới hỏi, cưới hỏi cho mình. Đó là việc tôi đã từng nghe nhiều rồi, từ hồi còn mới 12, 13 tuổi. Những gia đình khá giả trong làng, trong hạt, hay nhìn con của nhau rồi hứa hẹn cưới gả cho nhau. Tính đến nay tôi đã trải qua khoảng sáu bảy nơi, nhưng rồi người con gái nào cũng chồng con tử tế cả, chỉ duy tôi là vẫn còn như xưa. Hôm nay lại nghe lại việc cưới hỏi! Tôi không muốn, không cố ý dự định xếp đặt một việc tương lai chắc chắn, nhưng sự êm đềm hiện tại tôi đang tâm cảm trong lòng xui tôi vui vẻ nói luôn:

- Vân đẹp quá, hờ thím?

- Đẹp mà lại giỏi. Bánh trái khéo. May vá, đan thêu thạo. Công việc trong nhà mình nó lo, bà tham khỏi phải thò tay vô một việc gì cả.

Nghe nàng quán xuyến được tất cả những công việc phiền phức vô vị trong nhà, lòng tôi thấy tin yêu, cảm động. Tôi đã nhọc mệt với những sự lộng lẫy của cuộc đời phù hoa ngầm chứa giả dối và đốn hèn, nên hôm nay gặp một thiếu nữ có cái sắc thái của người thanh lịch mà lại áp đượm tinh thần thuần hậu, chịu khó của các bậc mẹ hiền ngày xưa, tôi bỗng thấy lòng rào rạt một niềm mến thương ấm áp. Hôm nay đây, tôi hồi tưởng lại lúc bắt đầu gặp nàng, tôi còn cảm thấy sự êm ả vô cùng khi tưởng thấy nàng nhanh nhẹn, vui vẻ và nhẫn nại làm các công việc trong bếp núc, trong vườn tược, trong cửa nhà.

Mẹ Thái cho tôi biết thêm rằng nàng học hành giỏi và tánh nết dịu dàng. Bà tỏ ra rất tán thành việc tôi đi hỏi nàng. Người đàn bà hiền lành muốn mọi việc đều thu xếp một cách hiền lành. Ý bà muốn tôi nói ngay rằng tôi yêu nàng lắm. Tôi nói:

- Thím xem thử, cháu đi hỏi chị Vân thì bà tham có chịu không?

Bà cười ngay:

- Chắc chịu. Tôi làm mối cho.

Tôi lại cười. Quả thật, tôi chưa có một quan niệm rõ rệt gì về tương lai của tôi, quả thật, tôi chưa định thu xếp cuộc đời của tôi như thế nào cả. Tôi còn phải sống vô định vì tôi chưa biết mình phải làm cuộc đời của mình như thế nào. Bảo Loan hiện còn ở Hà Nội hay tản cư về một vùng quê nào ở Hà Đông? Ngày tôi sắp lên tàu, nàng muốn khóc mà không thể khóc được, muốn nói mà không biết nói sao. Ngồi giữa gia đình, chúng tôi chỉ nhìn nhau im lặng. Trong cái nhìn ấy, tôi thấy như nàng muốn nhủ tôi nhớ ngày về và đợi cho tới cái ngày về. Tôi cũng trả lời và nhủ lại như thế bằng mắt nhìn. Bảo Loan yêu tôi, trong sạch và tin tưởng bằng môi tình đầu của nàng. Cho đến ngày chia tay, nàng chưa hơn 17 xuân xanh. Trong khi thế sự chưa rõ như thế nào, tôi không có quyền dứt tình trước. Suốt trong buổi nói chuyện, nghĩ đến Vân là tôi thấy Bảo Loan. Tôi thấy tôi bối rối. Mặc dù cái không khí êm đềm do Vân mang lại cho tôi lúc ấy. Tôi vẫn cảm thấy là rất hiền hòa, tươi mát. Tôi không thể nghĩ ngợi gì cho sâu sắc hơn. Tôi già từ mẹ Thái vui vẻ một cách thành thực.

- Thím nhớ làm mối dùm cho cháu? Cháu thế nào cũng đi hỏi cưới chị Vân.

Những ngày tiếp theo, tôi hay nghĩ đến Vân. Tôi có đủ thì giờ để nghĩ đến nàng vì lúc ấy tôi không phải làm một việc gì cả. Tôi nghĩ vẫn vợ, chấp nối những hình ảnh êm đềm trong ấy có nàng sống cạnh bên tôi. Tôi nghĩ đến một đôi vợ chồng trẻ đi ô-tô về Sông Cầu thăm quê ngoại. Tôi tưởng tượng thấy từng quãng đường ô-tô sẽ đi qua, nào đường phố Thoại chạy ra chân núi Đá Trắng, dài và thẳng, lát toàn đá trắng, nào đèo Dốc Găng xe phải nhún ga ba bận mới leo nổi con đường dốc đứng dựng ngược như lên trời. Nào dốc đường uốn cong hình chữ S bẻ tẹo người, ngồi trên xe thấy thành phố Sông Cầu nằm dưới chân núi ẩn dưới dùm xanh và thân ái tiếp nước bể xanh! Tôi nghĩ đến Vân để ru lòng mình. Tôi yêu nàng như yêu một bóng hình nào trong tiểu thuyết. Vân đối với tôi còn xa quá. Nàng ở tận Sông Cầu! Mấy khi nàng vào Tuy An để thăm di nàng? Vào Tuy An tôi còn không biết tìm dịp nào để gặp nàng, để kết thân với nàng, hướng chi là ở tận Sông Cầu xa cách! Tính tôi vừa hay e dè, vừa lại không chịu khó. Tính thì chỉ nhàn nhạt, thanh thanh. Tìm mọi dịp để gặp một người, yêu nồng nàn say đắm một người là điều tôi chưa hề làm và chắc là suốt đời tôi không bao giờ làm. Như vậy tôi linh cảm Vân chỉ là một cái bóng đẹp đi qua thôi. Không chắc có một dịp nào để chúng tôi yêu nhau. Tôi tự hỏi sao không có một ai đứng ra giúp chúng tôi kết chặt mối thương yêu. Nhưng tôi lại tự hỏi thế tôi có chắc chắn rằng mối thương yêu đó là điều sở vọng suốt đời của tôi chăng? Tôi không tin tôi nữa, tôi lẫn lộn quá khứ với hiện tại, tôi ngờ vực tương lai. Tôi trở nên rụt rè. Tôi đặt Vân vào địa vị cũ của nàng: “Một bóng đẹp đi qua, còn lưu hương lại”.

Chừng nửa tháng sau.

Có một buổi mai, người phu trạm ghé đưa cho tôi một bưu kiện. Không thấy ghi địa chỉ người gởi, nhưng nhìn nét chữ tôi biết là của Bảo Loan. Từ ngày xa cách, chưa bao giờ Bảo Loan viết thư cho tôi. Kể cả từ ngày yêu nhau, Bảo Loan cũng chưa bao giờ viết một mảnh thư nào cho tôi cả. Bảo Loan ngâm thơ, nàng cầm tay tôi, nàng ôm mặt khóc, nàng thề yêu tôi suốt đời... mọi biểu hiện tình yêu đều chân thực và hồn nhiên như lá cây đong đưa theo gió, như chùm hoa rụng rả đầu cành.

Tôi lần xé phong bì.

Đó là quyển Bướm Trắng của Nhất Linh. Không phải sách mới, Bảo Loan mua tặng, mà là quyển sách cũ tôi mua từ năm ngoái vẫn xếp trong rương sách. Lúc tản cư về quê, bao nhiêu va-ly, rương sách, chăn màn và một số quần áo tôi đều gói lại hết.

Cầm lên quyển sách, tôi tự hỏi vì sao Bảo Loan lại gửi cho tôi. Bình thường, dù sách hay báo, nàg cũng đều chọn thứ mới xuất bản để gửi. Một cách để báo tin là nàg vẫn khỏe mạnh và đang nghĩ đến tôi.

- Hay là nàg tự ví lòng nàg như lòng yêu của Thu, yêu đau đớn và thấy cái thú được đau đớn khi yêu?

- Hay là nàg muốn dặn mình đừng chán nản đau khổ như anh chàng Trương, đừng quá suy nghĩ...

- Hay là...

Tôi đang sắp sửa đưa ra một chuỗi “Hay là...” nữa thì có tiếng chó sủa ngoài hiên. Nhìn ra thì, ngạc nhiên chưa, Vân và mẹ Thái lững thững đi vào.

Em gái tôi tiếp ở phòng khách, tôi không bị quấy rầy. Chắc em tôi đã trả lời theo thường lệ:

- Dạ anh tôi vừa mới chạy đâu đấy thì phải...

Chúng tôi đã giao hẹn trước với nhau: có ai hỏi tôi thì em cứ trả lời vu vơ một mực như trên. Nếu là khách tôi muốn nói chuyện thì tôi ra tiếp, đồng thời giải thích sự mâu thuẫn vừa rồi một cách tự nhiên:

- Vừa chạy sang hàng xóm có tí việc. Về rồi mà em tôi nó tưởng chưa. Xin lỗi ông...

Như vậy, đỡ bị quấy rầy vì những ông khách nhàn nhã. Nhưng khách hôm nay là cô Vân, tôi muốn ra tiếp lắm. Nhưng tự nhiên bỗng thấy rụt rè. Tôi đã lén nghĩ về Vân, đã có những tưởng tượng không đoan trang về nàg. Nếu tôi chìa mặt ra chào thì thế nào mẹ Thái và Vân cũng đọc được những ý nghĩ thâm kín của tôi. Không, ngượng lắm, tôi không thể ra tiếp được.

Óc đang bối rối, tôi mở quyển Bướm Trắng đưa mắt nhìn đọc:

“...Trương hiểu ý:

- Em không sợ, anh không dám xúc phạm đến em, anh chỉ xin em cho phép anh cầm lấy bàn tay em một lúc, một lúc thôi

...

Thu vẫn để yên chiếc khăn tay che miệng, nàg như người bị thôi miên, thong thả gơ bàn tay phải cho ra cho Trương nắm lấy. Trương nắm rất nhẹ lấy bàn tay Thu, bàn tay mà trước kia chàng chỉ nhìn trộm trên nền chăn trắng”.

...



A, đây rồi, tôi nhớ lại rồi, anh chàng Trương bán khoản đau khổ của tôi, sống không hy vọng, yêu trong tuyệt vọng, tìm quên và tự dối mình. Tôi lại đọc tiếp:

“Thu khẽ nói:

- Thôi, em đi về thôi.

Khi Thu đi ngang qua, chàng đã toan cầm lấy tay một lần nữa rồi hôn Thu, nhưng chàng cố giữ được. Chàng nói:

- Em cho anh xin chiếc khăn tay của em.

Thu không đưa truyền tay chiếc khăn cho Trương, nàng đặt vội chiếc khăn trên mặt ghé rồi ra đi.

...

Nghĩ đến chiếc khăn của Thu, Trương vội cầm lấy vò nát trong hai bàn tay rồi đưa lên miệng. Chàng vừa cắn mạnh vào chiếc khăn vừa thầm nói với Thu, rung rung muốn khóc:

- Em Thu, em còn yêu anh làm gì. Khổ anh lắm”.

Đau xót như thế sao? Thật có khác chi mỗi tình đau xót của tôi?

Tôi lại mãi mê đọc tiếp.

Một lát sau, có tiếng guốc dép va xuống nền gạch, tiếng nón lá chạm lộp cộp vào vách. Tôi biết rằng khách ra về. Tôi lại đứng ở khung cửa sổ nhìn ra. Mẹ Thái và em tôi đi trước. Vân nhẹ nhàng đi sau. Đến đầu cổng, nàng quay đầu đảo nhìn một vòng qua sân, qua hiên. Ánh nắng tràn chiếm lấy mặt nàng, khiến cho vẻ mặt sáng rõ lên. Nàng nhú một mắt như nũng nịu với ai. Tôi say sưa nhìn theo gót chân uyển chuyển lòng vụt xôn xao, rào rạt như đang nghe tiếng nhạc trời vang lúc đèn chiếu bóng bật sáng, phim vừa dứt. Tự nhiên háo hức, tôi khe khẽ hát lại điệu hát quen thuộc tôi thường hát ba năm trước:

...

Điệp khúc đẹp nhất của cuộc đời

Là điệp khúc ta hát lúc hai mươi tuổi

Là điệp khúc ta không bao giờ quên

Vì cuộc đời chỉ có một mùa xuân.

Từ đó, tôi thường đến chơi nhà Thái hơn, mong vẫn vợ rằng sẽ gặp lại nàng ở nhà Thái. Nhưng nàng không thấy đến. Lần nào tôi cũng nói chuyện về nàng. Mẹ Thái bao giờ cũng khuyến khích tôi đi hỏi nàng ngay, còn tôi thì chỉ nói và dự định.

Một hôm, mẹ Thái cho tôi hay rằng bà Tham Quế có ý định muốn gả nàng cho một cậu lục sự Tòa án Phú Yên. Cậu lục sự trẻ, nhà giàu, quê ở Nha Trang. Nghe đến đây tôi thấy như nàng

đã là vợ của cậu lục sự ấy rồi. Một lục sự Tòa án là cả một danh vọng đối với người đàn bà như bà Tham. Ngoài danh vọng ra, còn có sự giàu có. Trẻ tuổi là để dành phần Vân. Tôi thấy đã đủ cả rồi. Thấy Vân đã là vợ của cậu lục sự ấy rồi. Tôi hỏi:

- Thế ý chị Vân thế nào, hở thím?

- Nghe nói nó không bằng lòng. Nó không thích anh Nhã - tên cậu lục sự, mà anh Nhã thì yêu nó lắm.

- Thế còn bà Tham?

- Bà Tham thì muốn gả. Bà cố ép. Bà rất chiều chuộng anh Nhã. Nó thì tỏ hẳn là không thích. Mỗi lần anh Nhã đến nhà thăm là nó bỏ đi chơi hoặc gất đũa ở, rầy la em, làm phiền trong nhà.

- Nhưng anh Nhã nhất định không vì thế mà thôi yêu chị?

- Anh có biết anh Nhã?

- Dạ không, đó là cháu đoán vậy thôi.

Im một hồi, mẹ Thái tiếp:

- Anh không hỏi ngay thì mất.

Tôi cười.

- Nhưng bà Tham có gả cho cháu đâu?

Mẹ Thái định nói gì, nhưng nghĩ sao lại thôi.

Suốt ngày hôm đó, tôi cứ loay hoay về việc Vân. Nàng sắp đi lấy chồng rồi. Vợ vã lấy chồng sao? Tôi lo nghĩ quá, miên man nghĩ đến việc tương lai của tôi.

Từ ngày yêu Bảo Loan, tôi chưa dám chắc chắn rằng một ngày kia thế nào chúng tôi cũng lấy nhau. Tôi thấy tôi chỉ lấy được nàng khi nào tôi có một địa vị rạch rỡ giữa xã hội. Không phải rằng nàng tham danh vọng. Cũng không phải rằng ông bà Vũ, thầy mẹ nàng bắt buộc. Nàng thành thật yêu tôi và thường tỏ ý muốn cùng tôi sống giữa quê nhà. Nhưng tôi không thể không nghĩ đến tuổi trẻ của nàng. Nàng có thể sau này thấy các bạn bè sung sướng sang trọng mà thay dần ý nghĩ, như vậy rất có hại cho sự sống yên vui. Tôi không thể không nghĩ đến đại gia đình của nàng. Gia đình có nhiều cánh sang trọng, xa hoa, nếu tôi không sang trọng xa hoa bằng thì tôi làm sao chịu được? Mặc dù Bảo Loan yêu tôi và chỉ muốn lấy tôi, mặc dù thầy mẹ Bảo Loan đã xem tôi như con, tôi cảm thấy là phải có điều kiện mới lấy nàng được. Bảo Loan nói lấy nhau rồi về quê tôi mà ở, nhưng Bảo Loan, nàng liệu có thể ở được không? Nàng còn trẻ non thể kia, công việc ở quê nhà không thành thạo, tính không thể chịu khó, như vậy sống sao được giữa quê nhà. Nghĩ rằng nàng sẽ vụng về, nàng sẽ bở ngỡ, sẽ khó chịu với những công việc, với cái hoàn cảnh lạ mà nàng phải sống, tôi thấy tôi không thể lấy nàng được. Nàng quả khó mà tìm được hạnh phúc với tôi. Cuộc du học dự định đã chắc chắn là không thành, mỗi hy vọng về tương lai đã chắc chắn là không đạt được, giữa tôi và Bảo Loan đã có một hố xa cách. Hiện nay đường giao thông lại bị nghẽn, sự đi lại bất tiện, cuộc thế giới

chiến tranh chưa biết đến bao giờ mới dứt. Tôi thấy tôi càng ngày càng xa dần Bảo Loan của tôi.

Trong khi ấy thì tôi càng ngày đi dần đến sự quyết định phải lập gia đình. Bấy lâu nay lấy có còn đi học, tôi đã đẩy lùi sự quyết định, nhưng nay thì không còn có gì nữa rồi. Tôi phải nghiêm chỉnh nghĩ đến việc lập thân, nghĩ đến một cách rất thiết thực, trong cái cảnh huống thất bại hiện tại của tôi. Tôi phải trở lại sống êm đềm, hiền hòa trong một nơi nào của quê nhà, với một người vợ hiền thảo, dịu dàng, coi sóc mười mẫu ruộng, dăm sào vườn. Vui vẻ cùng vườn ruộng là cái kế cuối cùng của tôi. Tôi thoáng nhớ đến cuốn tiểu thuyết LA MAISON của Henry Bordeaux đến CON ĐƯỜNG SÁNG của Hoàng Đạo. Tôi nhớ đến tâm trạng của vai chính trong hai chuyện ấy, cái tâm trạng gần giống tâm trạng tôi hiện tại. Nhưng cô Thơ của tôi là ai? Tìm người bạn tri kỷ hiểu mình ở giữa quê nhà là điều khó. Người hiểu mình ấy phải gồm có cả đáng điệu thanh lịch và tính hạnh thuần mỹ, như vậy càng khó tìm hơn. Tôi tiên cảm một cách lo lắng rằng không bao giờ có cả.

Vụt nhiên, tôi gặp Vân. Tôi không bao giờ ngờ rằng có một người như thế giữa quê nhà khô khan, không thể ngờ rằng tôi gặp được nàng giữa lúc hoàn cảnh tôi đang cần một người như nàng. Vân thích ứng hoàn toàn với mọi điều sở vọng của tôi. Nhà nàng có nề nếp, nàng khéo léo và chăm chỉ, quán xuyến mọi việc trong nhà. Nàng có học, có thể hiểu những ý tôi nghĩ, những điều tôi làm. Nàng thanh lịch và dịu dàng, nàng là người độc nhất tôi có thể yêu, có thể cưới trong hoàn cảnh hiện tại. Nàng có thể đem lại cho tôi mỗi hạnh phúc đơn giản mà tôi còn có thể mong mỏi sau những đổ vỡ, thất bại. Chỉ có nàng, chỉ có thể là nàng, tôi đã xét rõ, đã nhận rõ như thế rồi.

Nhưng cưới Vân? Phải cưới nàng ngay? Phải quyết định một việc quan trọng cho suốt cả cuộc đời? Trong khi tôi chưa có thì giờ để quên nàng. Để hiểu nàng. Để yêu nàng. Không, tôi phải tìm hiểu nàng để quyết định một điều quan trọng. Tôi phải gặp nàng, phải hỏi ý kiến nàng. Nhưng lạ kì, sao tôi càng thúc giục tôi đi đến sự quyết định chừng nào thì lòng tôi càng như muốn lưỡng lự chừng ấy. Tôi có tin chắc rằng hy vọng của tôi đến đây là cùng không? Tôi có nhất quyết rằng Bảo Loan đến đây là đã chia rẽ cùng tôi không? Tôi không muốn nghĩ vậy, tôi sợ cái ý nghĩ đau đớn ấy. Dù rằng tôi đã lo nghĩ và buồn phiền nhiều về việc chung thân của tôi và Bảo Loan, tôi cũng muốn bầu vùi vào cái ý nghĩ êm đềm rằng chúng tôi chưa hẳn là tuyệt vọng. Nhưng tôi lại không thể không nghĩ đến Vân bởi đã đến lúc phải nhìn vào sự thật. Tôi chỉ có thể tìm ở nàng, người vợ thích hợp nhất trong hoàn cảnh hiện tại của tôi. Tôi phải gặp tìm hiểu nàng, chung chia ý kiến cùng nàng. Tôi phải gặp nàng và yêu nàng. Sợ lại phải cố gạt bỏ cái ý nghĩ ấy để không nhớ quên Bảo Loan, không muốn quên Bảo Loan, tôi đứng dậy đi ra ngoài trời. Tôi nhìn lên trời rộng và cao. Tôi nói thầm trong thâm tâm tôi:

“Cô Vân ơi! Cô vào Tuy An đi để tôi có dịp gặp cô và hiểu cô. Để cô yêu tôi và tôi yêu cô, để chúng ta kết thành một đôi vợ chồng xứng đôi, đẹp lứa”.

Vân không vào Tuy An bao giờ cả.

Nửa tháng sau, vụt nghe tin nàng đã đi lấy chồng. Mẹ Thái nói:

- Cả nhà không ai chịu cả, không ai nỡ ép. Chỉ một mình bà Tham quyết định. Hôm nay thì lễ cưới xong rồi.

Tôi bàng hoàng. Vân lấy chồng nhanh như vậy sao? Trong lòng tôi, tôi muốn nói một câu gì, muốn nói một điều gì, phải nói cho hả một ý nghĩ gì đang quay cuồng trong óc, đang vươn lên chặn lấy cổ họng. Tôi nói:

- Vân đi lấy chồng rồi. Ừ, Vân vậy mà đã lấy chồng rồi.

Nói xong, tôi không hiểu tại sao tôi lại nói chi vậy, nói vậy để làm gì, nói vậy có ý nghĩa gì. Câu nói rơi vào cái im lặng của ngoại cảnh, và cái trống không của lòng tôi. Vì lòng tôi lúc ấy tự nhiên bỗng trống không một cách tiêu điều lạ. Tôi thấy mình thiếu quá, trống trải quá, tôi không biết mình đang cần một sự đầm ấm gì và mình đã làm mất một cái gì. Có cái gì bỗng nhiên thiếu mất trong tôi.

Thấy tôi lặng im đột ngột, mẹ Thái nhìn tôi giây lâu rồi tiếp:

- Vân hay nói đến anh, làm bà Tham tưởng rằng hai người đã quen nhau lắm. Vân nói với người này người nọ về anh. Hình như anh có viết thư từ gì cho Vân?

Tôi trả lời ngay :

- Không có gì hết. Cháu chỉ gặp Vân một lần ở ngay nhà thím...

- Anh Nhã như cũng có biết việc này, việc Vân biết anh.

Tôi mỉm cười:

- Có biết hay không thì cũng... vô ích. Vì chẳng có gì hết.

Tôi đổi câu chuyện, không muốn nói về Vân nữa vì quả thật tôi không biết mình nói gì. Sau một hồi ba hoa về việc này, việc nọ, tôi cáo từ mẹ Thái ra về. Tôi để dành việc Vân cho riêng tôi, tôi phải một mình nghĩ ngợi về nàng.

Vân đi lấy chồng rồi.

Tôi gọi lên hình ảnh của nàng. Tôi thấy ngay màu áo hồng nhạt, đôi vai nhỏ và mái tóc cặp lửng lơ bỏ trễ bên vai. Tôi nhìn lên mặt nàng nhưng không thấy một nét rõ ràng nào cả. Tôi ái ngại nói trong lòng:

- Ta cùng nàng còn chưa rõ mặt.

Ý nghĩ này làm tôi thêm buồn. Tôi tưởng tượng hiện giờ nàng như thế nào. Tôi thấy nàng trong vô cùng hình ảnh lộn xộn, thấy nàng quay cuồng trong một hoàn cảnh gì rối loạn, buồn bã, trong ấy có một ngôi nhà cổ cột to và nặng, có những bàn thờ đầy ắp về nghiêm trang, có những người bằng lòng, vui vẻ hời hợt đến vô tư. Tôi bất chợt gặp ngay hai chữ “Gia phong” và hả lòng thấy rằng, chữ ấy diễn tả đúng cái cảm giác lạnh và nặng mà tôi đang cảm về nàng, về cái hoàn cảnh của nàng.

Tôi không biết mình phải buồn như thế nào, không biết mình đang nghĩ gì và nghĩ như thế nào, mà chỉ thấy là tôi buồn một cách ngẩn ngơ. Nhưng tôi lại tự nhủ ngay: “Xong rồi, việc ấy đã xong rồi”

Tôi tìm cách tự khuyên mình. Tôi có chắc sẽ đi cưới Vân đâu? Tôi có điều kiện gì để đi cưới nàng? Tôi chưa làm một công việc gì để sống tự lập cả, tôi còn là một người học trò sống ghép theo gia đình. Như vậy thì tôi cưới nàng làm sao được? Cưới nàng thì tôi có cách gì để tạo hạnh phúc cho nàng? Tôi không có gì hết. Chồng Vân hơn tôi, đủ điều kiện hơn tôi. Anh ta làm ông lục sự, nghĩa là đã chắc chắn một cuộc sống đầy đủ trong một căn nhà riêng biệt thuê tại tỉnh. Hai người có thể hợp sức lại mà gây dựng, hai gia đình chung sức lại mà gây dựng cho đôi vợ chồng son. Nhà Nhã giàu, nghe nói vậy. Bà Tham thì chiều chàng rể. Cái hạnh phúc phải có, nó đang chờ để áp ủ hai tâm hồn đang rủ rỉ cạnh nhau. Hạnh phúc ấy đáng lẽ là của tôi. Nhưng tôi vội lắc đầu không muốn nghĩ tiếp. Tôi muốn tưởng tượng cho thấy Nhã dễ tưởng tượng thêm rằng hai bạn trẻ hiện đang làm gì. Tôi không thể tưởng tượng được. Vì tôi chưa hề biết Nhã. Tôi cảm thấy xa xôi rằng không biết mặt Nhã cũng đỡ nhiều cho sự đau đớn của tôi vì nó đã tránh được cho tôi những sự tưởng tượng tàn nhẫn.

Tôi nhớ đến lời nói của mẹ Thái:

- Vân buồn, khóc nhiều và nhiều lúc nói muốn chết!

Tôi thương cho nàng, nhưng lại tự nhủ ngay: “Rồi nàng lại quên đi những việc ấy. Đám cưới nào cũng có xảy ra những việc tâm tình cay đắng. Cuộc đời dàn xếp tất cả. Mỗi buồn có bao giờ vĩnh viễn đâu”.

Tôi lại bình tâm. Chợt tôi thấy lòng mình lạnh lạnh, nhàn nhạt: tôi thấy Vân không bao giờ là của tôi đã đành, tôi còn thấy rằng nàng sẽ vui vẻ sung sướng. Có khó chi? Nàng sẽ sinh con, sẽ làm một bà lục sự oai vệ để rồi làm một bà Tham tương lai, cũng tính toán, cũng thu xếp có nề nếp, khôn ngoan như mẹ nàng hiện tại. Tôi muốn quên nàng ngay. Muốn vậy, tôi nghĩ đến Bảo Loan. Bảo Loan hiện đang nghĩ đến tôi vào giờ này cũng nên. Bảo Loan cùng tôi còn có tương lai. Chúng tôi còn có thể yêu nhau mãi, lấy nhau được. Tại sao tôi lại thất vọng ngay? Không, tôi còn Bảo Loan của tôi. Chớ Vân... tôi lại nghĩ đến Vân, rồi lại trở về cái ý nghĩ êm đềm và chua xót. Tôi thấy tôi mất Vân, điều này vô lý vì nàng có phải của tôi đâu mà gọi rằng mất, nhưng sao, tôi cứ cảm chân thật rằng tôi đã mất nàng, đã mất một niềm hạnh phúc, một người vợ xứng đáng với hoàn cảnh và tâm trạng của tôi hiện tại. Tôi lo cho ngày mai hậu. Còn ai?

Chợt nghĩ rằng Vân đi lấy chồng là một việc dĩ vãng, một việc nhất định, rằng tôi có nghĩ đến nữa cũng không có ích gì, tôi lắc đầu, lắc đầu: “Quên đi”. Tôi nói trong óc tôi rằng: “Quên đi. Quên Vân đi”. Nhưng cùng trong lúc ấy, tôi cảm rằng còn nằm lại, nép chặt cái ý nghĩ man mác: “nhưng quên Vân... buồn lắm”.

Tôi khó mà quên Vân thật, nhất là trong lúc ấy tôi không phải bận bịu về một công việc gì cả. Thỉnh thoảng đi nàng lại nói chuyện nàng với tôi, và tôi cứ mê mê nghe chuyện nàng để thoang thoang biết rằng nàng đã yêu tôi thật. Tôi muốn tìm gặp nàng một lần ở một nơi nào, nhưng không có dịp nào cả. Tôi muốn ra Sông Cầu để gặp mặt nàng, nhưng rồi tôi lại không đi. Đôi khi, tôi lại tự hỏi: “Thế tôi có chắc chắn rằng nàng đã yêu tôi thật không?”. Cứ như thế, tôi sống trong những ý nghĩ tương phản với một mục đích vô định kèm theo những bất an về chính trị, những dằn vò về thân phận. Tôi không biết phải đợi một cái gì sẽ đến cho đời mình. Tôi để ý xét từng mảnh tâm trạng của tôi, tôi ghi những tâm trạng phức tạp đó dưới dạng những trang nhật ký. Tránh chữ “Nhật ký” quá nhảm tôi pha thêm một chút mơ mộng để gọi đó là tập NGÔI SAO NHỎ.

Sau ngày đảo chánh 9-3-45, tôi ra nhà thương Sông Cầu dưỡng bệnh. Bệnh không nặng, nhưng cứ đi. Thường chỉ vào giờ khám bệnh và tiêm thuốc, tôi mới ở nhà thương, còn ngoài ra, tôi đi chơi ở các nhà quen. Lâu lắm mới trở lại Sông Cầu thành ra yêu Sông Cầu quá! Yêu từ con đường nhỏ thanh tịnh có cây bàng xanh và hàng dây cây keo cao tí. Yêu bãi bê Sông Cầu có những cây dừa cong cong, cây me đồ sộ, cây tra trái xanh vừa chát vừa chua. Sông Cầu đã ấp ủ ba năm ngây thơ của tôi, khi tôi còn là một cậu học trò bé nhỏ ngây thơ, học hai năm lớp Nhì và một năm lớp Nhất. Ở Sông Cầu, có những người tôi quen miệng gọi bằng cậu bằng mợ, bằng chú bác, bằng anh em.

Ngoài những buổi chiều ngồi ở bãi biển một mình, tôi thường ở chơi nhà Huyền Đáng, lúc đó độ mười bốn tuổi, tôi xem như cô em nhỏ. Nhà Huyền Đáng ở trước mặt chợ, tôi thường ra đứng ở hiên xem chợ đông. Ngày nhỏ tôi đã ở dãy nhà đối diện cũng nhìn ra chợ, cũng đứng xem chợ đông. Bây giờ xem chợ là như xem lại một kỷ niệm êm đềm của ngày còn thơ.

Trong những bóng áo tha thiết, tôi còn mong tìm thấy bóng áo của Vân. Nhưng bóng áo màu hồng, mình tìm mà không thấy. Nghĩ ra, mới biết là mình ngỡ ngẩn thật. Một năm rồi có lẽ, bóng hồng còn đâu nữa mà tìm? Áo hồng đơn sơ ngày nào dễ thương nay đã rách rồi, đã quăng vào một xô nào trong tủ áo, trong rổ may. Vân đã thay bao nhiêu cái áo khác, màu đẹp hơn, hàng quý hơn, nàng đâu còn nhớ, còn giữ lại làm chi cái áo màu ngày xưa. Cũng như lòng nàng! Và cũng như tấm thân của nàng.

Tôi không tìm thấy màu áo cổ hữu, vừa lại phải nghĩ đến sự thật chua chát kia, lòng buồn mấy ngày hơn.

Nhưng một buổi chiều, khi đi chợ đến góc đường nhà buôn Chấn Thạnh, bạn tôi chỉ một người mặc áo trắng đi từ ngã biển lên chợ, đi thoăn thoắt mà bảo khê tôi.

- Chị Vân kia.

Tôi thấy lạnh trong tim.

Vân mặc áo trắng. Không kịp nghĩ ngợi xa xôi, tôi lại nhà Huyền Đáng, nhìn ra chợ. Bóng người áo trắng là Vân đi lượn qua chợ mấy vòng rồi mất hút. Không biết nàng có thấy tôi không. Chắc có thấy.

Lúc lên đèn, tôi nói chuyện thân mật cùng Huyền Đáng:

- Ngày xưa, đã có một lần anh suýt cưới cô Vân đấy Huyền Đáng ạ. Nhưng chưa kịp thì anh Nhã cưới trước mất. Không biết bây giờ cô Vân, à không, chị Vân có sung sướng lắm không? Giá hôm nào chị ấy lại nhà Huyền Đáng chơi thì anh sẽ nói rằng anh chúc chị sống thật vui vẻ. Chị ấy có quen với em?

Huyền Đáng ngây thơ trả lời:

- Có. Có quen.

Nhưng Vân không đến nhà Huyền Đáng.

Tôi trở lại Sông Cầu sống những ý nghĩ êm đềm về ngày thơ ấu, nhưng lại phải sống thêm những ý nghĩ chua xót của ngày thành niên. Tôi tự hẹn hôm nào thật khỏe, sẽ lên nhà bà

Tham thăm. Thăm Nhân - anh Vân - vì tôi quen Nhân hồi còn nhỏ ở Sông Cầu này và sau này khi Nhân đi Hà Nội. Nhưng cũng là một dịp để bà Tham biết tôi là ai, tôi, người đã làm bà giận, dễ thường là ghét trong những ngày bà ép Vân lấy chồng, và nghi nàng đã yêu “phải” tôi.

Tôi cũng muốn nhìn thấy mặt nàng nữa. Lạ thật! Biết rằng gặp cũng vô ích, việc đã xảy qua, ván đã ghép thành thuyền, thế mà cũng vẫn mong gặp!

Điều dự định nhỏ nhoi, hiền lành ấy vẫn lại không thành. Bệnh tôi chưa lành hẳn thì có tin tôi cần đi Đà Lạt. Tôi không muốn đi, quyết định ở Sông Cầu, nhưng thầy thuốc khuyên rằng bệnh tôi ở khí hậu nóng khó chữa. Nếu đổi khí hậu thì không chữa cũng khỏi, mà khí hậu tốt nhất thì không đâu bằng Đà Lạt. Nghe lời khuyên, tôi mới thuận đi.

Trước khi lên đường, tôi đến nhắn cùng Huyền Đáng:

- Hôm nào gặp, em nói với Vân rằng anh tiếc chưa có dịp để gặp Vân. Nhưng mong Vân sẽ luôn luôn vui vẻ để sống bên cạnh người chồng mà mẹ Vân đã chọn cho Vân.

Tôi căn dặn mãi để Huyền Đáng nhớ nhắc lại lời ấy cùng nàng.

Một buổi chiều tôi lên ô-tô đi, xe từ thành chậm chậm chạy trên đường sỏi xuống phố. Hai bên đường là ruộng lúa. Tôi nhìn sang bên tay mặt. Nhà Vân ở trong vườn dừa xanh kia. Sau cái cổng bằng gỗ sáo, qua bờ đậu bằng keo xanh xén thẳng, tôi tự hỏi không biết nàng đang làm gì, không biết nàng có ngờ rằng tôi đang nghĩ đến nàng mà từ già nàng chẳng?

Những ngày ở Đà Lạt khiến tôi bớt nghĩ đến Vân. Tôi trở lại say mê với công việc và hứng thú của riêng mình. Cuộc sống đã theo một nhịp điệu khác.

Một buổi chiều cuối tháng Năm, mưa giông vừa tạnh. Mặt trời hé nắng vàng vàng, không khí nhẹ và trong, mát rười rượi, kích thích đến tim óc. Tôi mở cửa ra ban công nhìn sang rừng thông. Tôi để ý nhìn những thân cây thông cao, vỏ nứt nẻ, cành sần sùi, cong queo một cách mỹ thuật không ngờ. Dưới chân cây, cỏ dại mọc dày, cao, lá thon thon vươn lên quá đầu gối. Thân cây đứng song song nhau, cành chia dọc ngang, lá đan dày um tùm. Tôi nhìn ra xa hơn. Hồ Đà Lạt nằm im, mặt nước xanh phản chiếu đồi núi và rừng thông xanh. Màu xanh và sự im lặng, cảnh bao la của núi rừng và không khí mát mẻ như kim châm vào da, tất cả đã nhẹ nhàng đưa óc tôi liên tưởng đến phong cảnh xứ Phần Lan tôi đã nhiều lần tưởng tượng thấy qua trang sách mở. Ván vương trên phong cảnh, tôi còn nghe phảng phất giọng nhạc của Jean Sibelius, người nhạc sĩ đã như hô hấp được cái hương vị của rừng thông âm u liên tiếp, của hồ nước lặng màu ngọc bích, của cảnh sắc đặc biệt xứ Phần Lan.

Tôi đang mơ màng tưởng tượng thì chợt vang lên tiếng chim hoàng oanh hót. Tôi đưa mắt tìm xem chim đậu ở đâu. Mỗi lần nghe tiếng chim hoàng oanh là tôi phải nghĩ đến những cây bàng lá xanh mượt. Vòm trời xanh có mây trắng nhẹ như bông. Đà Lạt có chim hoàng oanh là điều tôi không bao giờ ngờ. Nhưng kia, trên một cành thông gãy, có một chiếc hoàng oanh nhỏ đang mổ vỏ thông tìm mồi. Mổ nhanh nhanh một hồi rồi lại nhảy sang cành khác, hót véo von. Minh chim thon thon, lông mượt, màu vàng nghệ, thật hòa hợp với giọng hót ấm áp.

Óc tôi vụt nhiên thấy êm ả lạ lùng: tôi nhớ đến Huyền Đáng. Lúc ở Sông Cầu, mỗi lần nghe Huyền Đáng nói tiếng Nhật Bản - tiếng “Masu và Desu” mỗi lần nhìn đôi môi của Huyền



Đáng nói lên tiếng ấy là tôi nghĩ ngay đến con chim hoàng oanh. Nhiều lần rồi, tôi nhắc lại cái cảm tưởng đó:

- Huyền Đáng ạ, đi đâu cho xa bao nhiêu... hể nghe hoàng oanh hót là anh nhớ đến em liền.

Hôm nay nghe hoàng oanh hót, tôi nhớ ngay đến Huyền Đáng thật. Tôi vào mở ngăn kéo tìm một món quà gì để gởi cho em. Tôi lấy tập bưu ảnh, ghi vào lưng tờ đầu: “Gởi em Huyền Đáng. Con chim hoàng oanh của anh” rồi ký tên.

Từ nãy giờ nghĩ đến Huyền Đáng, nhưng trong lớp sâu thẳm của tâm tư, tôi có nghĩ đến Vân. Vì hoàng oanh nhắc Huyền Đáng, Huyền Đáng nhắc Sông Cầu và Sông Cầu nhắc tôi nhớ đến Vân. Huống chi, điều tôi nhờ Huyền Đáng nhắn thăm nàng hộ, biết Huyền Đáng đã nói chưa. Biết nàng đã rõ rằng tôi cũng yêu nàng như nàng đã yêu tôi chưa? Nhưng sợ lại phải trở lại những ý nghĩ tôi hằng nghĩ về nàng, tôi cầm bút lên viết thêm ở lưng tấm ảnh.

- Em nhớ nói lời thăm chị Vân khỏe mạnh và vui vẻ hộ anh.

Sự sống rộn rịp ở Đà Lạt quả đã xua tôi bớt nghĩ về Vân. Hơn nữa, tôi thấy có nghĩ cũng vô ích, nàng đã có chồng rồi. Lúc đầu nàng tỏ ra không thuận lấy Nhã, nhưng đã cưới nhau rồi, nghĩa là nàng đã thuận rồi. Huống chi, đã mấy tháng ăn ở cùng nhau, xấu hay tốt cũng đã thành quen, thành thuận. Thêm vào đó, sự rủi may không chừng đã tạo ra một đứa con. Nó trưởng thành để vài dặm tháng nó ra đời. Cây đã lờ trông xuống đất rồi thì càng ngày rễ càng đâm nhiều, càng bám chặt xuống đất. Tôi không nên, không có quyền nghĩ đến Vân nữa.

Thỉnh thoảng một tuần hay nửa tháng, hoặc có việc hoặc không, tôi đi Phan Rang hoặc Phan Thiết, Djiring, Sài Gòn. Cách sống luôn luôn thay đổi thành ra thú vị, không chán. Lần cuối cùng đi Sài Gòn, vào khoảng tháng bảy, tôi ghé lại nhà hàng Charner mua sắm một ít đồ đạc. Lúc ra về, đi qua dãy tủ kính hàng lụa, chợt thấy một xấp lụa Bom Bay (1) màu hồng nhạt. Tôi nhớ ngay màu áo của Vân mặc hôm gặp tôi lần đầu. Tần ngần một lúc, tôi lại bảo cất ba thước rồi vội vã ra xe. Ngồi lên xe, tôi tự hỏi không biết nên dùng ba thước lụa hồng ấy để làm gì.

Ba thước lụa ấy, lúc về Đà Lạt, tôi xếp vào một góc va-ly. Khi Đà Lạt tản cư, tôi đi với chiếc va-ly ấy xuống Trạm Hành, Dran. Ngày Pháp tấn công, phá vỡ phòng tuyến, tràn ủa vào nội địa lâm viên thì tôi ở Cầu Đất đi thẳng Tháp Chàm, không đủ thì giờ dùng lại Dran trong năm phút để mang va-ly theo.

Chiếc va-ly mất. Ba thước lụa hồng không biết về tay ai. Thành ra dù có tìm hỏi suốt đời, tôi cũng không thể hiểu được tôi đã mua ba thước lụa ấy định để làm gì.

Tôi đã sống với lý trí. Tôi đã làm trọn cái bổn phận là không nghĩ đến Vân nữa. Trong tâm mắt nhìn, và tầm suy nghĩ của trí óc tôi lúc ấy, lẫn lộn quay cuồng nhiều hình bóng người, nhưng tuyệt nhiên không có hình bóng của Vân. Trang sách đã lật qua rồi. Bao nhiêu rạo rức đã lắng xuống. Tôi thông thả lật sang trang khác của đời tôi.

Tháng 4 năm 1946, sau ngót nửa năm lặn lội trong vùng chiến địa Lâm Viên - Ninh Thuận, tôi đáp ghe về Phú Yên. Ngày 11 tháng 6 năm 1947, tôi cưới vợ, vợ tôi là người bạn thân của tôi, người có cùng những ý nghĩ cảm xúc giống tôi, người đã cùng tôi chia xẻ những đau khổ

hiềm nguy trên bước đường tản cư lộn độn. Chiến tranh như đã một ngọn lốc thổi, nàng phiêu lưu trong một cuộc hành trình không định hướng.

Mới như ngày hôm qua, phòng học sáng sủa của trường Couvent des Oiseaux còn vang tiếng gót giày của nàng. Cuộc đời êm đềm biết bao giữa những lời văn đẹp, những tưởng tượng uyên thâm của Descartes, Shakespeare hay Césaire, giữa những đáp số của bài toán, những công thức của hóa học. Những giờ nhàn rỗi, nàng cho trôi theo điệu nhạc cổ điển, những bản thánh ca, trên chiếc dương cầm mà nàng âu yếm như một người em.

Thế rồi Nhật đảo chính, trường học đóng cửa.

Thế rồi cuộc Cách mạng Tháng 8 bùng nổ, cuộc chiến tranh trường kỳ bắt đầu. Đà Lạt bị phong tỏa, Đà Lạt phải tản cư, gia đình nàng cũng bắt đầu phân tán, người già được ở lại, người trẻ phải ra đi. Ban đầu ra đi là cái thú, cái thú được nếm chút ít gian khổ, hiểm nguy, cái thú của người ngồi mãi trong ô-tô muốn được đi bộ, của người phải mang giày cả ngày được đi chân đất, thông thả, nhẹ nhõm trong mười phút đầu. Cũng y như thế, trong vài tháng đầu chiến tranh đã quên rũ mọi người như một tình nhân mới. Quả thật, chiến tranh có đem lại cho người ta cái thú vị say sưa, người nhỏ thì thấy mình bỗng lớn hẳn lên, người lớn tuổi thấy mình trẻ lại. Những bộ quân phục gabardine màu phân ngựa, những đôi ghét đen quá rộng hoặc quá dài, những thanh gươm Nhật đẹp nhưng vô ích và hơi vương, những khẩu súng lục lưng lẳng ngang sườn... đó là hình ảnh quen thuộc trong những ngày ấu trĩ của chiến tranh. Giữa màu xanh, giữa màu đen nghiêm nghị và đầy sát khí ấy, len lỏi màu trắng của những chiếc áo blouse (2 ) của những chiếc mũ vải trắng điểm tươi một chữ thập đỏ. Chàng chỉ huy mặt trận, nàng băng bó thương binh, thật còn sự hòa hợp nào bằng? Còn lý tưởng nào hơn nữa? Tình yêu cổ điển - vì còn gì cổ điển hơn sự sống và tình yêu - được tinh thần mạo hiểm và lòng hy sinh tô điểm thêm, đã như men rượu mạnh làm say mọi người. Với một số học sinh bấy lâu học hiểu văn minh Hy Lạp kỹ hơn lịch sử cuộc Nam tiến, với một số lớn thanh niên, trung niên bấy lâu coi tình yêu và tiền bạc là mục đích của cuộc đời thì chiến tranh lần này đã mở những cánh cửa mới cho căn phòng tù hãm mà bấy lâu nay đôi mắt họ đã phải quen nhìn. Đối với một số khác, lòng yêu nước trở thành một món trang sức hợp thời và giá rẻ.

Tội nghiệp cho người bạn gái của tôi!

Chiến tranh càng kéo dài, nàng càng đi xa dần, xa dần thành phố Đà Lạt thân yêu của nàng. Hết hy vọng trở về cuộc sống êm đềm với gia đình, nàng phải phó thân cho số mệnh. Một mình bơ vơ giữa súng đạn, nàng vẫn cam chịu đựng, vừa tìm mọi lẽ để vui sống. Nhưng dù can đảm, vui sống, nàng cũng đau đớn lòng thấy rằng những mối hy vọng tương lai của mình đã bị chiến tranh tàn phá mất rồi.

Có khác chi tôi?

Sau mấy đêm trắng suy nghĩ cân nhắc, tôi quyết định cưới nàng.

Không phải trong những hồi trần trọc, tôi không nghĩ đến Bảo Loan. Không, tôi đã nghĩ đến Bảo Loan nhiều lắm. Cho đến ngày chiến tranh Việt Pháp bùng nổ, tôi còn viết thư được cho Bảo Loan. Những ngày ở Đà Lạt, cuộc đời tươi lại, tôi đã chuẩn bị một cuộc viễn du ra Hà Nội để xin thầy mẹ Bảo Loan cho cưới. Tôi giấu không cho Bảo Loan biết dự định ấy để dành cho nàng một sự bất ngờ êm đềm. Nhưng thời cuộc lại diễn biến tới tấp, bao nhiêu biến cố lại liên tiếp xảy ra. Cách mạng tháng Tám bùng nổ, cuộc chiến tranh bộ phận kéo dài, cắt

đứt con đường giao thông Nam Bắc. Thư từ không đến tay chúng tôi nữa. Cuộc sống bị xáo trộn nhiều hơn trước nữa. Những sự suy nghĩ, buồn phiền lại trở lại dày vò tôi.

Không! Tôi đã nghĩ đến Bảo Loan nhiều lắm!

Bảo Loan là đối tượng quan trọng trong sự cân nhắc cuối cùng của tôi. Trên bàn cờ giữa giờ chung cuộc, Bảo Loan là con xe, con pháo quyết định. Nhưng tôi phải đau đớn mà phụ lòng Bảo Loan thôi vì trong tình thế hiện tại tôi không thể nào tạo hạnh phúc cho Bảo Loan được, tạo thứ hạnh phúc mà Bảo Loan đang cần. Tôi đành phụ lòng Bảo Loan vậy!

Tâm hồn tôi đã yên ổn trong nếp sống hiền hòa. Cùng vợ tôi, tôi đã đóng hẹp lại cái khung hy vọng của đời chúng tôi. Chúng tôi đã xây lưng lại Dĩ Vãng.

Chừng nửa năm sau, khi đã chan hòa cuộc sống của mình vào nhịp sống chung của mọi người xung quanh, tôi lần lượt được nghe những tin tức về Vân. Tin do bạn gái hoặc bạn trai, người lạ hoặc người quen nói mà tin nào cũng không làm cho tôi vui lòng. Tin Vân và chồng không thuận nhau. Tin Nhã về Nha Trang. Tin Vân được người này yêu, người kia yêu. Tin Vân yêu người này, người nọ, người kia. Tôi không biết có nên tin hẳn những tin ấy không, nhưng dù không biết, tôi cũng cứ giận sao nàng lại có những hành vi như vậy. Tôi ghét nàng. Tôi không muốn nghĩ đến nàng nữa.

Có một buổi chiều ở trường Lục quân Trung học Ngân Sơn ra, tôi gặp Vân đi cùng hai bạn gái, gặp mà tôi không biết vì tôi không nhớ mặt nàng. Lúc về trường, bạn cũ của tôi, anh Đông nói cho tôi biết rằng người đi qua trường lúc nãy là Vân. Tôi nghe nói tên Vân, nhớ lại rằng mình vừa gặp, mà lòng buồn buồn. Tôi nhớ buổi gặp nàng, những điều dự định của tôi đối với nàng. Tôi nhớ lại ngày hôm nay tôi đã có vợ rồi, tôi với nàng thành ra ngày càng xa, xa xôi đến nỗi gặp nhau mà không hề nhớ mặt.

Cuối thu, có những ngày gió lạnh và trời xám. Tôi bỗng thấy băng khuâng nhớ nhung. Tôi nhớ bài “Cảm tưởng thu” của Anatole France tôi đã học năm thứ hai, thứ ba, tôi còn nghe lại cả tiếng hạt mưa rơi đập vào cửa kính, còn thấy lại cả trận lá vàng rụng trên mình các ngôi tượng trắng. Tôi nhớ Anatole France, nhớ chuyện Clémentine ông viết về người yêu xưa bỏ ông để lấy một chủ nhà băng giàu có. Còn ông tóc bạc dính sát mái đầu, ngày ngày lục lợi xếp đặt sách vở trong thư viện lạnh lẽo, không vợ con. Một đêm tối trời, ông nhìn lên các ngôi sao nhớ nàng Clémentine và chúc cho nàng sung sướng bên chồng bên con. Tôi yêu câu chuyện này và muốn viết một truyện như vậy. Nhưng Clémentine của tôi là ai? Tôi soát lại xem mình có một tình nào tương tự như thế không. Tôi đắn đo, e dè. Không có sách để xem lại, tôi moi óc cố nhớ, nhưng càng cố nhớ tôi lại càng lẫn lộn hơn. Tôi nói cùng vợ tôi:

- Em đã đọc Clémentine rồi?

- Rồi.

- Ý em thế nào?

- Chắc cũng như ý anh. Anh thích lối viết của Anatole France, em cũng vậy. Theo em, Anatole France là Chopin trong văn và Chopin là Anatole France trong nhạc.

Ngẫm nghĩ giây lâu, tôi tiếp:

- Mấy ngày nay, anh bỗng nhiên nhớ đến chuyện Clémentine quá. Anh phải viết ngay một chuyện tương tự. Nhưng nghĩ mãi chưa ra. Tuy chưa ra nhưng rồi cũng phải ra. Em giúp ý cho anh đi!

Vợ tôi mỉm cười. Một lát sau, nàng chậm rãi nói:

- Phải đấy, anh gắng viết đi. Viết được có lẽ anh sẽ vui...

Đến đây, nàng ngần ngừ một giây:

- Tính anh nhút nhát lắm, không dám nhìn thẳng vào thực tế của cuộc đời mà chỉ thích sống tưởng tượng. Anh xem, anh còn thua em xa... Nhưng thôi, chẳng sao, anh cứ viết đi. Có lẽ sống êm đềm với những nhân vật của anh, anh sẽ vui hơn.

Nàng nhìn lơ đãng ra sân rồi nghẹn ngào tiếp:

- Một năm nay, em thấy anh hơi buồn, hay cáu, dễ nóng giận. Hồi ở Đà Lạt, gặp em, anh đâu có như vậy. Anh vui vẻ pha trò với chúng em. Em nhớ, em yêu đôi bàn tay anh trắng, với những ngón thon... Bây giờ, bây giờ ngón tay nổi gân, trán hay nhăn lại... Em thương hại anh...

Nàng bỗng giật mạnh hai bàn tay tôi, úp mặt vào khóc thôn thức. Tôi vỗ vai nàng dỗ:

- Kia! Em mới chính là người đáng thương hại, chính em mới là người bỗng dưng đến chia cái khổ của anh. Em có nhiều tương lai hơn anh, thế mà...

Nàng ngẩng mặt lên:

- Nói bậy! Anh nói bậy! Em đâu có khổ?

Và nàng lại mỉm cười, trông đen long lanh sau màn nước mắt.

(1) Hàng tơ lụa mỏng thượng hạng, sản xuất tại Ấn Độ (2) Áo choàng trắng

Câu chuyện trao đổi giữa chúng tôi bắt đầu bằng chuyện Clémentine ai ngờ đã kết thúc bằng một cuộc tự xét, tự vấn. Thật đúng như lời vợ tôi nói, tính tôi đã trở nên cau có, gắt gỏng lạ. Tôi sốt ruột thấy đời mình và đời của những người xung quanh mình diễn đi, lặp lại trong cái nhịp đơn điệu, vô vị, bị đầu độc bởi những mưu mô tham lam, nhỏ nhen, độc ác.

Thấy tôi cựa quậy, bực dọc, vợ tôi đã hiểu, đã thương hại, đã tìm mọi cách xoa dịu những vết xây xước trong hồn tôi khi tôi va chạm với cuộc đời... Nàng hiểu tôi lắm. Khuyên tôi viết để quên bớt thực tại, coi thường thực tại, nàng đã hiểu tôi và quên mình mà giúp tôi một cách thông minh.

Trong khi ấy, mùa thu như a từng theo mà đến ám ảnh tôi không thôi. Trời đông kéo dài. Gió cứ thổi hắt hiu hắt mà mặt trời cứ ử dột khiến tôi lại cứ loay hoay với câu chuyện tình lý tưởng của Anatole France. Sau nhiều ngày suy nghĩ, một hôm tôi nói với vợ một cách trang trọng:

- Ngày hôm nay, em xếp lại bàn viết cho thật ngăn nắp, sẵn sàng. Để anh sẵn sàng viết những câu chuyện tình của anh.

Vợ tôi đã làm đúng theo như ý tôi muốn. Bàn viết rất tươm tất. Đèn lau sạch, tra tim mới, như đang mong một que diêm xòe ra là bật sáng lên ngay. Cán bút gác yên lên bình mực, nhưng tôi vẫn còn sục sạo trong tâm trí, cố tìm lại nàng Clémentine âu yếm của tôi.

Một ngày kia, tôi và anh Uyển, một bạn thân, đi Hòa Đa. Dọc đường, chúng tôi nói chuyện về nghệ thuật sống. Chúng tôi tán dương lối sống thoải mái, thú vị, không đặt chủ đích vào một hướng nào, một việc gì. Có lẽ tại vì chúng tôi suốt tháng ngày ứ với cái nhiệm vụ kháng chiến của mình nên trong một đôi giờ tự do cố nói cho hả, dự định cho hả. Dễ thường chỉ nói và dự định rồi thôi. Uyển dường như đang thắc mắc một điều gì. Mấy hôm nay anh cứ hện sẽ đưa cho tôi xem một quyển truyện của anh đã viết. Tôi hỏi truyện dài hay ngắn, tiểu thuyết hay ký sự... thì anh diễn ra lời một cách khó khăn lối viết của anh. Tôi thoáng hiểu. Chắc lại là một truyện mà anh đã sống, pha lẫn nghệ thuật cốt để giấu một phần sự thật. Sau một hồi im lặng đi cạnh nhau, chợt Uyển hỏi tôi:

- Diệp có biết chị Vân?

Tôi trả lời ngay:

- Biết. Vân ở Sông Cầu chớ gì?

- Ờ.

Thấy Uyển im bật, tôi hỏi lại:

- Thế nào, có chuyện gì không?

Uyển im không nói. Tôi lại giục:

- Kia, sao lại im đi?

Ngần ngừng giây lâu, Uyển chậm rãi:

- Có chuyện này, nói riêng cho Diệp nghe. Nhưng Diệp hứa là không nói lại với ai cả.

Tôi cười xòa.

- Lại phải dặn. Chuyện của chị Vân tức như chuyện của tôi, anh không phải lo. Nào, nói đi.

- Chuyện này do một người bạn gái tin mình lắm nói riêng cho mình nghe. Người bạn gái ấy là bạn thân của Vân. Vào khoảng cuối năm 1946, lúc mà đó đây người ta bàn tán về Vân, nhiều người tìm cách chiếm đoạt lòng Vân, thì Vân nói chuyện cùng người bạn gái mình rằng: Ngày xưa đã yêu một lần, tình yêu bị dở dang, hy vọng trót không thành, nên bây giờ mọi việc đều coi thường, không để tâm làm gì nữa. Bạn mình hỏi yêu ai thì Vân trả lời: Yêu anh Diệp, anh Diệp ở Tuy An.

Giọng nói của Uyển bình thản khách quan, nhưng tôi có cảm tưởng một tia chớp vừa lóe. Từ trước đến nay tôi biết những cảm tình của Vân qua các anh chị em quen, họ hàng, bà con.

Nay tin tức đến từ một người hoàn toàn lạ, và Uyên là một nhân cách đứng đắn, cao hơn mức trung bình. Cô bạn của Uyên, đầu anh không nói tên, tôi cũng đoán biết là ai, và cũng là một nhân cách cao hơn mức trung bình. Tôi xúc động bàng hoàng và khốn khổ không biết làm cách nào để thâm tậ tâm lòng của Vân.

Đêm ấy, chúng tôi đi xem kịch, nhưng từng hồi, từng hồi, tôi chợt quên kịch mà nghĩ đến Vân. Lúc ra về, trăng khuya sáng, lạnh. Thật phù hợp với tâm trạng tôi lúc bấy giờ đang mang mang nhớ đến nàng. Chân tôi bước nhanh nhanh, lòng tôi thấy êm êm nhẹ nhẹ và nơi tâm hồn tôi nhẹ nhàng hình thành câu chuyện Clémentine tha thiết của tôi.

Một hôm tôi êm đêm nói cùng vợ tôi.

- Em ơi, hình như anh đã tìm thấy nàng Clémentine rồi. Để thí nghiệm đôi ngày rồi anh sẽ bắt đầu viết.

Truyện chưa kịp bắt đầu thì tôi được tin Vân hay ghé nhà bà Thừa, cô nàng. Hôm gặp ông Sách - rể bà Thừa - tôi vui vẻ nói:

- Hôm nào chị Vân ở Sông Cầu vào, nhờ ông nói rằng tôi gửi lời thăm chị khỏe mạnh. Ông nhớ nghe?

Ông Sách gật đầu cười. Vài ngày sau, ông gặp tôi, nói riêng:

- Nghe ra mới biết rõ là cô Vân đã yêu ông thật. Vậy ông có muốn thì sang gặp.

Sợ ông Sách có ý nghi ngờ gì khi đề nghị tôi sang tìm gặp, tôi nghiêm trang đáp:

- Tôi có bồn phận phải gặp Vân. Nghe chị ấy hiện sống vô định lắm, người này yêu, người nọ, người kia yêu. Chị ấy thì, theo người ta nói, cũng lang mang vô cùng, không biết nên đặt lòng mình vào đâu, hy vọng vào đâu, cứ tự để cho ngoại cảnh muốn dắt mình đi đâu thì dắt. Người ta cho là chị ấy báo thù đời.

Ngẫm nghĩ một giây, tôi lại tiếp:

- Tôi có cảm tưởng xa xôi rằng chính tôi đã dự một phần vào việc gây ra nguyên nhân sự trạng này. Tôi có một phần trách nhiệm đối với cuộc đời hay, hay dở của Vân hiện tại và sau này. Tôi thấy tôi có bồn phận phải khuyên nhủ nàng. Ông nghĩ sao?

- Phải đấy. Cô ấy lại đang đưa đơn kiện ly dị chồng. Ông thử tìm cách khuyên bảo cô ấy xem.

Một sáng chủ nhật, tôi đến nhà bà Thừa. Ngồi trong nhà, nhìn ra sân, thấy có ai mặc áo cánh lụa màu nâu đang phơi áo ngoài dây. Tôi tin chắc là Vân. Mãi sau, nghe tiếng bà Thừa nói sang sang:

- Con Vân đâu? Anh Diệp sang chơi kia, lên nói chuyện cho vui. Anh chị em cả.

Giọng nói và cách nói của bà Thừa làm tôi tự nhiên thấy buồn thắm thía. Tôi có cảm tưởng như tôi và Vân đã cùng sống một dĩ vãng thân thiết dưới sự chở che âu yếm của mọi người trong họ, rồi bị một nghịch cảnh gì xui phải xa nhau, để hôm nay tình cờ gặp mặt lại nhau, gặp lại mà phải ngỡ, ngại ngừng, gặp dưới sự che chở âu yếm của họ hàng như ngày xưa.

Vân ở nhà sau đi lên. Tôi đưa mắt nhìn nàng, nhìn thẳng nàng giây lâu, lòng rạo rạt một tình thương xót. Vân như thế đấy sao? Ra hôm nay tôi mới biết nàng là như thế. Tóc nàng cặp vén lên cao rồi bỏ trễ xuống. Vòng lông mày cong lên vượn dài, áp đôi mắt mở rộng, rất đen, sâu thẳm. Thấy tôi, nàng hỏi rất tự nhiên.

- Anh Diệp qua chơi.

Tôi chỉ ngẩng mắt nhìn mà cổ nghẹn không sao nói được. Nàng lại hỏi mau:

- Chị đã sinh chưa, anh?

Tôi trả lời:

- Chưa!

Hỏi lên câu ấy, tôi biết ngay là nàng đã hỏi hộp cảm động lắm. Nàng ngồi xuống võng. Thấy sự im lặng nặng nề, tôi bắt đầu nói cùng nàng lời hỏi thăm thường lệ. Nàng trả lời tôi một cách thân ái, dịu dàng. Tôi chợt xoay hẳn câu chuyện:

- Tôi nghe ông Sách nói chị nhờ đưa đơn ra Tòa xin ly dị anh Nhã. Tôi thấy đó là một việc quan trọng. Có lẽ vì sự quan trọng ấy nên tôi tìm gặp chị sớm, ngay hôm nay. Tôi không biết là chị nghĩ kỹ chưa...

Nàng mỉm cười trả lời:

- Việc gì chớ việc ấy thì tôi nghĩ kỹ rồi.

Tôi ngắt ngay:

- Tôi rất nghi ở sự đã nghĩ kỹ của chị. Lúc bằng lòng lấy Nhã, chắc chắn là chị cũng đã nghĩ kỹ rồi. Chớ sao? Má chị ép, chị không bằng lòng nhưng có nghĩ sao, nghĩ rằng chị nên làm vui lòng má, hoặc nghĩ rằng anh Nhã không xấu đâu, hoặc vì gì... gì chẳng hạn, chắc chắn là đã có nghĩ kỹ rồi. Chị nhớ lại xem. Chị sẽ thấy rằng ngày xưa chị cũng đã từng nghĩ kỹ, nghĩ kỹ... để hôm nay đòi chị dờ dang. Chị có tin chắc rằng điều nghĩ kỹ của chị là đúng không?

Vân dăm dăm nhìn tôi giây lâu, không nói.

- Tôi lo sợ thấy chị đang làm một việc nó định đoạt cả một tương lai. Tôi tự biết tôi không thể hiểu rõ tâm trạng và hoàn cảnh của chị hơn chị được, hiểu mình thì còn ai hơn mình, cho nên tôi không dám can ngăn. Có điều tôi xin chị dè dặt một chút đối với một việc nó quá quan trọng.

Nàng nói, chậm rãi và lạnh lùng:

- Anh chưa hiểu. Đơn ly dị tôi đã gửi Tòa ba tháng trước rồi. Tòa hỏi thêm hồ sơ, hỏi giấy trích lục và địa chỉ của Nhã. Hôm nay nhờ ông Sách đưa là đưa hai món đó.

- Tôi hiểu. Và tôi đã nói là tôi không sáng suốt hơn chị trong việc này để mà khuyên bảo chị. Có điều tôi cần nói rất thật cho chị nghe là hình như dư luận không được tốt đối với chị...



Nàng mỉm cười.

- Tôi biết. Nhưng ...

Nàng bĩu môi, không nói tiếp.

- Người đàn bà quý nhất ở cái tư cách. Tôi rất buồn phải nghe những dư luận, vì thế tôi muốn biết chị kiện ly dị để định làm gì?

- Không định làm gì hết. Bây giờ thì cứ sống như thế này nuôi mẹ, nuôi em; nuôi mẹ cho đến ngày mẹ chết, nuôi em, gây dựng cho em. Khi nào bồn phận hoàn toàn rồi thì sung vào một nhà dục anh, một viện mồ côi...

Ngừng một giây, nàng nhè nhẹ tiếp:

- Có người tưởng tôi muốn ly dị để đi lấy chồng.

Thấy nàng lại im, tôi đáp:

- Ý của chị tốt quá. Vì tốt quá nên tôi sợ không thành. Chị nhớ chuyện xưa có những người vợ quá trẻ muốn thủ tiết để nuôi con, để tránh bướm ong qua lại, có nàng đã phải lấy dao rạch mặt mình trăm vết. Tôi xin lỗi nếu sự thật nói ra sẽ làm phật lòng chị, nhưng dù chị giận tôi, ghét tôi, bồn phận bắt tôi phải nói: Chị e rồi cũng phải dùng đến con dao của người xưa, nếu chị quả quyết làm theo ý định tốt đẹp của chị...

Tôi nói xong, nhìn sang nàng, xem nàng tỏ ý khó chịu như thế nào. Tôi thấy nàng ngẫm nghĩ giây lâu, ngẫm nghĩ lắm. Nhìn lên thấy tôi đang nhìn nàng, nàng nói:

- Ai cũng nói ra toàn những sự khó khăn cả.

- Thì khó, khó hẳn đi.

Thấy câu chuyện đã nhuộm một màu đen nặng nề, tôi im lặng giây lâu. Chợt nàng ngẩng lên hỏi tôi:

- Anh có gặp Huyền Đáng không?

- Chưa. Hôm đi Hà Trung, định ghé thăm Huyền Đáng, nhưng bận quá, ghé chưa được. Huyền Đáng bây giờ thế nào?

- Bây giờ lớn rồi.

Tôi ngẫm nghĩ, chắc Huyền Đáng đã có nói gì với nàng nên nàng nhắc đến Huyền Đáng. Tôi hỏi:

- Lúc tôi từ già Sông Cầu, chắc Huyền Đáng có nói gì với chị?

Nàng đưa mắt nhìn xuống đất, vẻ bối rối không trả lời. Tôi hỏi tiếp:

- Nhờ trời Huyền Đáng chưa được biết đau khổ...

Nàng mỉm cười:

- Biết đâu!...

- Biết đâu nghĩa là đã. Tội nghiệp. Những cô em nhí nhảnh hiền lành của tôi ở Sông Cầu, sao ai nỡ nhuộm đau khổ vào làm chi cho tội nghiệp. Lộc vừa lấy chồng ở Sơn Hòa, tôi định tìm thăm nhưng chưa kịp.

- Lộc cũng đã là nạn nhân của đau khổ, cũng đã khóc, cũng đã phải đã quên.

Tôi nhún vai tỏ vẻ ngán ngẩm đối với một việc nó diễn đi diễn lại đã quá cũ rồi. Tôi hỏi tiếp:

- Còn Mộng Thúy, Mộng Thúy vừa lấy chồng ở gần đây. Đám này tôi không ngờ lại thành. Mộng Thúy nghe tân tiến dữ: kịch, nhạc, biểu diễn v.v... thế mà đánh đùng bằng lòng lấy một anh chồng chắc chắn là không tân tiến bằng mình, nếu không nữa nói là quê hơn.

- Mộng Thúy có vậy mà thực tế.

- Có lẽ vì cô ta chưa nghĩ đến ai.

Nàng phì cười:

- Anh lắm to. Đã nghĩ rồi, đã yêu rồi, đã yêu như bất cứ ai.

- Yêu ai?

- Khanh.

- Khanh nào?

- Khanh ở Nha Trang.

Tôi dẫn mạnh giọng:

- Nha Trang, sao lại Nha Trang?

Vân nhìn tôi mỉm cười chua chát:

- Thì Nha Trang chớ sao? Nha Trang thì cũng như Hà Nội, Đà Lạt có khác chi đâu?

Nhưng sao Nha Trang lại hay làm khổ, làm phiền Sông Cầu quá vậy?

Trầm ngâm một giây, nàng chậm rãi nói:

- Tháng Năm năm ngoái, nghe tin anh cưới vợ. Sau này, được nghe người ta nói chị học giỏi và hiền lành, tôi rất mừng cho anh.

Nghe Vân nhắc đến gia đình tôi, tôi suy nghĩ ngay đến hiện cảnh rất buồn của nàng. Suy nghĩ một giây, tôi chợt hỏi:

- Nếu độ ấy tôi cứ ở mãi Sông Cầu mà không đi Đà Lạt thì sự thể sẽ xảy ra như thế nào nhỉ? Có lẽ chúng ta đã không như bây giờ. Có lẽ cuộc đời đã khác. Có lẽ chúng ta đã...

Vân mở to mắt nhìn tôi, trách:

- Anh cứ nghĩ đến ngày xưa, nói đến ngày xưa làm gì. Cái gì nó đã qua, cho qua luôn.

- Như thế là tàn nhẫn, nhất là bây giờ, chị đang ở trong một cảnh buồn vô cùng. Tôi nghe thảng nào anh Nhã về Sông Cầu đem chị đi Nha Trang. Chị bằng lòng đi. Ghé vào Đa Ngu, chị viết thư cho má, vĩnh biệt má và cả gia đình, chị nói chị chắc một ra đi là gởi xương què người không còn mong về nữa. Thư ấy Nhã biết. Nhã lại có dọa một khi đem chị vào được đến Nha Trang, Nhã sẽ hành hạ cho điều đứng.

- Không phải chỉ lần này Nhã mới dọa, dọa cho người khác nghe. Nhã có lần nói trước mặt tôi.

Ngập ngừng một hồi, nàng tiếp:

- Cưới xong một ngày, tôi nói ngay với Nhã: “Anh cưới tôi, nhưng tôi không yêu anh”. Nhã ngạc nhiên hỏi: “Tại sao?” Tôi trả lời: “Tại vì tôi đã yêu anh Diệp rồi”. Nhã lặng người, không ngờ tôi có thể nói vậy. Thấy tôi điềm nhiên, Nhã biết tôi nói thiệt. Anh giận dữ gằn giọng:

- Biết rồi. Biết rõ, nên quyết cưới cho được để đem về hành hạ cho biết tay.

- Thế là từ đó trở đi, liên tiếp toàn những hành hạ và hành hạ?

Vân im lặng không nói. Tôi lại hỏi:

- Thế tại sao biết đi theo vào Nha Trang là chết mà vẫn cứ đi?

- Vì muốn chết.

- Muốn chết thế sao khi ở Đa Ngu nghe Nhã dọa thì lại không chịu theo Nhã nữa mà lại để Nhã về Nha Trang một mình?

- Vì nghĩ lại, chết như vậy uổng nên không muốn chết nữa.

Giọng nói gọn, trầm trầm làm tôi biết Vân đã chán nản lắm.

Sau bữa cơm trưa, Vân lại nằm ở giường, gần bộ ván rộng tôi ngồi. Qua khe rèm tôi thấy nàng nằm vắt tay lên trán. Chốc chốc thấy nàng trần trọc và thờ dài. Tôi im lặng không biết nói gì. Trong khi quay cuồng lẫn lộn, óc tôi lại đắm trong một sự êm ái man mác. Tôi nhìn về dĩ vãng, nhớ lại ngày gặp nàng, nhớ lại ngày nàng lấy chồng, nhất là những ý nghĩ âu yếm nàng đã dành cho tôi trong những ngày nàng lấy chồng. Nhớ lại những ngày cuối cùng ở Sông Cầu, tôi lên tiếng hỏi:

- Ngày tôi nằm nhà thương, tôi nghe người ta hay nhắc đến tôi mỗi lần nói đến chị và Nhã. Hình như Nhã nghi ngờ tôi lắm?

Vân quay sang nhìn tôi:

- Nhã có tính rất lạ, cứ nghi tôi với anh. Có hôm tôi vào Tuy Hòa, xuống Ngọc Lãng rồi về. Nhã nghe tôi vào Tuy Hòa, đinh ninh là cốt để gặp anh nên giận dữ, tra hỏi. Thấy Nhã vô lý, tôi bực mình ngồi đặt chuyện gặp anh, thăm anh v.v... nói với em gái tôi. Nhã về tra hỏi em tôi. Nó không nói. Anh điên lên, rượt đánh cả nó nữa.

- Tôi nhiều khi thấy cuộc đời cũng oái oăm quá. Tôi gặp chị một lần không hề nhớ mặt, chỉ hôm nay mới thấy rõ ràng, thế mà ai ở Sông Cầu cũng đinh ninh là tôi với chị đã gì... ghê lắm. Tôi thì chưa hề hiểu chị, thành ra chỉ một mình nghĩ, một mình biết, có lẽ suốt cả đời sẽ cũng chỉ vậy, nếu hôm vừa rồi Uyên không tình cờ nói cho tôi biết.

Vân hỏi Uyên nói gì, tôi thuật lại các điều Uyên đã nói cùng tôi. Cuối cùng tôi hỏi nàng:

- Có phải chị đã nói như vậy không?

Nàng không trả lời. Sau một hồi ngần ngừ, nàng mở to mắt nhìn thẳng tôi:

- Nhưng thôi, việc đã qua rồi. Mình không có quyền nghĩ đến nữa.

- Nhưng còn cả cái hiện tại và cái tương lai của chị?

Nàng nói mau, vội vàng:

- Cũng mặc, mặc tôi. Anh không phải nghĩ. Anh không có quyền nghĩ đến nữa.

Thấy tôi nhìn nàng, nàng cũng nhìn tôi thật lâu rồi buồn rầu nói:

- Anh không có quyền nghĩ đến thật vì anh có bổn phận phải nghĩ đến chị đang có mang, phải nghĩ đến cháu sắp sinh. Bổn phận của anh nặng lắm. Chị bao giờ thì sinh hở anh?

- Có lẽ cuối tháng Một, chưa biết chắc.

- Anh có bổn phận phải lo cho chị thật chu đáo. Chị xa gia đình, xa quê hương, đi cùng anh về đây là chị yêu anh lắm. Anh có nhớ không?

- Nhớ lắm. Nên tôi bao giờ cũng lo cho nhà tôi. Chỉ có bây giờ thấy chị như đang đi vắn vơ trên một con đường không có đích nên tôi không yên tâm.

Vân nhíu mày:

- Tôi đã nói, anh cứ yên tâm.

- Nhưng yên tâm thế nào được?

Thấy tôi mạnh giọng hỏi, Vân tròn mắt nhìn tôi rồi nghẹn ngào nói:

- Quên đi.

- Quên đi là một điều không phải dễ!

- Đành rằng thế, nhưng đã nhớ bốn năm hơn rồi. Bây giờ dù quên mà phải khổ cũng phải cố quên. Bốn năm khổ còn chịu đựng được thay!

Tôi không biết nói sao, chỉ nhìn nàng thôi. Nàng xem chừng như bắn khoãn đầu đón trong lòng lắm nên nhìn thẳng tôi không chớp mắt.

- Quên đi.

Mặt trời ngã chiều. Tôi sắp sửa đi về. Tôi đứng lại gần nàng, cầm tay nàng nói.

- Em phải thu xếp cuộc đời cho nó quy củ, cho có phương châm nhất định. Anh đã nói, anh không hiểu rõ hoàn cảnh em cho bằng em được, nên anh không dám thu xếp dùm em. Anh chỉ xin em nhớ kỹ rằng ngày nào em còn vẫn vợ vô định như thế này là ngày ấy anh còn phải lo phiền về em, em nhớ chưa?

Nàng chỉ nhìn tôi mà không nói. Tôi nhìn xuống bàn tay nàng thon thả nằm gọn trong bàn tay tôi. Ngón tay dài, trắng và mảnh mai. Mắt tôi chạm phải chiếc nhẫn cưới nàng đeo ở ngón tay kè. Một ý nghĩ chua xót vương lấy óc tôi. Tôi chậm chậm đưa bàn tay lên môi. Rồi tôi nói khẽ:

- Thôi anh về!

Suốt ngày hôm sau, tôi cứ bị đôi mắt mở rộng, đen và sâu thẳm của Vân nhìn thẳng tôi, thật lâu, thật êm và thật buồn. Tôi cứ thấy mãi đôi môi của Vân nhếch một nếp nhăn đau đớn, thần thờ khuyên tôi: “Quên đi”. Tôi lại nghĩ miên man về nàng. Tôi không biết nàng đang đi đến đâu và đi như thế nào. Xét lại cuộc gặp gỡ hôm qua, tôi thấy tôi vẫn chưa hiểu nàng, chưa cùng nàng định rõ một thái độ nào, một lối xử thế nào cho rõ ràng cả. Tôi đâm ra lo lắng vì nàng, cho nàng. Những điều dự định khuyên lơn và an ủi chưa nói hết và chưa nói đủ. Tôi phải gặp lại nàng, chúng tôi phải thỏa hiệp với nhau về đường lối sống và nghĩ duy nhất dành cho nàng. Để tôi được yên tâm hơn.

Chiều đó tôi nhờ người tin cho nàng biết tôi cần gặp riêng nàng để bàn bạc thấu đáo hơn. Sau nhiều hồi lưỡng lự, nàng thuận theo lời tôi.

Đêm mát, lành lạnh. Sao sáng đầy trời. Chúng tôi ngồi bên cạnh nhau. Tiếng nước chảy rì rào ở đập nước bên cạnh làm tăng sự im lặng của cảnh vật xung quanh. Tôi bắt đầu xin lỗi nàng vì bắt buộc phải gặp nhau trong một hoàn cảnh không được đường hoàng như thế này, nhưng có thể này mới dễ nói, dễ hiểu, dễ thấu, dễ để quyết định. Tôi nhắc lại ngày gặp nàng lần đầu, mỗi cảm động nàng đã gây cho tôi và ý định tốt đẹp tôi đã dành cho nàng. Vân lặng lẽ nghe, thỉnh thoảng nhắc lại:

- Lạ quá. Hai người cùng một ý nghĩ mà hai người cùng không nói cho nhau nghe.

Nàng hỏi tôi:

- Tại sao cả hai người đều nghĩ giống nhau như vậy?

Tôi lắc đầu, không biết trả lời sao. Tôi nhắc đến những ngày nhớ nàng ở Đà Lạt, ở Sài Gòn rồi tôi kết luận:

- Như thế nghĩa là từ ngày xưa anh đã có yêu em. Bây giờ anh còn thêm cái nghĩa, nghĩa cũ đối với em nữa. Em tin anh là phải. Em nghĩ kỹ xem, em có tin anh không?

Nàng tựa đầu vào vai tôi, nói:

- Có.

- Em nhắc lại đi, em có hoàn toàn tin anh không?

- Có.

- Được rồi. Có được đức tin ấy là công việc đã giải quyết được một phần rất lớn rồi. Từ lâu, anh lo rằng em không có một người nào để tin cả. Nay em đã tin anh thì anh bảo em nghe. Em hiện có bốn mươi năm, năm mươi năm, sáu bảy mươi năm để sống nữa. Em cầm hằng mấy mươi năm dài đằng đặc ấy trong tay, em đã thấy quan trọng chưa.

- ...

Định đoạt một việc gì, nhất là việc quan hệ đến đời mình, không phải dễ. Riêng đối với em càng khó hơn. Anh không muốn nhắc lại vì sao. Nên em cần phải nghĩ thật kỹ, và tham hiệp ý kiến với những người hiểu em và thật lòng thương em. Em nghĩ sao?

Nàng ngoan ngoãn nói:

- Nghĩ kỹ thì bao giờ em cũng nghĩ kỹ. Bây giờ có anh, em sẽ hỏi ý kiến anh mỗi lần phải định đoạt một việc gì khó khăn.

Tôi siết chặt tay nàng rõ lâu, tỏ tấm lòng thương yêu vô hạn đối với nàng. Tôi nói:

- Anh tin ở lời em. Mỗi lần phải định đoạt một việc gì quan trọng, em nhớ cho anh biết. Anh sẽ giải quyết cùng em. Anh sẽ xem em như em của anh. Anh lo cho em, em mà có thể nào, anh sẽ khô tâm lắm.

Vân cầm tay tôi mân mê rồi nói:

- Anh không lo. Em cũng xem anh như anh của em vậy.

Nổi êm đềm do tấm lòng thành thật của chúng tôi đã dành cho nhau khiến lòng tôi yên tĩnh lại. Tôi nhìn lên trời thăm thẳm sâu. Sao dày chi chút. Tôi nâng cằm nàng, chỉ về một ngôi sao sáng. Tôi nói:

- Anh gọi em cho ngôi sao sáng kia.

Đêm đã khuya, nàng giục về. Chúng tôi đứng dậy, đi song song nhau.

Vai nàng kề sát vai tôi.

Đường nhỏ gập ghềnh. Thỉnh thoảng, những bụi tre đứng vững chãi, bóng đen vươn cao.

Vai nàng kề sát vai tôi.

Tiếp theo, tôi có nhiều dịp để hiểu nàng qua những thư nàng viết. Lần nào nàng cũng khuyên tôi nên cố quên nàng đi để lo cho vợ tôi, cho đứa con sắp sinh của tôi. Muốn cho tôi yên tâm nàng nhắc đi nhắc lại rằng dù không gần tôi, nhưng mỗi khi nghĩ đến tôi, nàng có thể chống chọi lại tất cả những khó khăn ở đời. Tôi không dám tin rằng tôi đã có thể gây được cho nàng một ý chí vững chắc như thế.

Lâu lâu, tôi lại nghe một dư luận không tốt về nàng. Dư luận thường không do đàn ông chuyên đi. Có lẽ sắc đẹp đã làm bức thành bảo vệ cho nàng. Người đàn ông nào cũng ích kỷ, cũng yêu cái đẹp. Đàn bà hay nhắc đến nàng hơn. Đàn bà cũng lại ích kỷ như đàn ông, muốn mình đẹp hơn nữa và được bảo đảm chồng mình là của riêng mình. Tội nghiệp cho Vân, nàng hiện đang đẹp và đang không chồng!

Người ta đều như cho rằng Vân hiện đang say sưa chinh phục. Điều này nghe có vẻ đúng. Tôi thường nghe người ta, - những đàn ông - tả và so sánh sắc đẹp của nàng mà chưa hề nghe ai nói đến tâm hồn nàng cả. Không ai nghĩ rằng nàng có một tâm hồn, tâm hồn đặc biệt của riêng nàng, tinh tế, tế toái, phân biệt sâu sắc, ý thức rõ ràng những rung động muôn mặt của tình cảm.

Nàng viết cho tôi:

“...Hình như đã nhiều lần rồi, em viết và nói với anh rằng anh cứ thương em như em của anh vậy. Nhưng anh ơi, em đã dối lòng em nhiều quá. Ngoài miệng thì em bảo:

Coi em như em của anh đi! Nhưng lòng em nó không muốn thế đâu. Thôi, chúng ta xa nhau hẳn thôi. Thà xa nhau còn hơn là giả dối với nhau như thế. Một là được anh yêu, hai là xa cách hẳn đi, chớ cứ đóng kịch như thế mãi, khổ tâm em lắm...”

Không! Vân không ác tâm chinh phục ai. Lũ thiêu thân bị cháy cánh, đâu phải lỗi của ngọn đèn. Trong khi ấy, thỉnh thoảng nàng lại cho tôi nghe một vài nỗi thắc mắc: nàng muốn vào Nha Trang thăm Nhã bị bệnh nặng... rồi muốn vào Nha Trang vì nghe tin thầy Nhã mất. Độ một tháng sau, nàng tỏ ý muốn đi Bồng Sơn buồn. Rồi không hiểu tại sao bỗng cho tôi biết rằng đã đổi ý định, muốn rút đơn xin ly dị. Nàng hỏi ý kiến tôi. Tôi không biết nên trả lời như thế nào mà chỉ bối rối theo sự quay cuồng hỗn độn của tâm hồn nàng. Tôi phải gọi lên về mặt sáng rỡ của nàng, tươi tỉnh như chỉ biết ở nụ cười. Tôi phải nhẹ nhàng gọi lên tên nàng để tưởng nghe một sự êm đềm thoang thoang: Thu Vân. Tôi tự hỏi sao tên nàng lại là Thu Vân. Mây mùa xuân có sáng sủa, nhẹ nhàng hơn không? Mây mùa hạ có rực rỡ huy hoàng hơn không? Sao nàng lại là mây mùa Thu, mùa Thu túc sái, mùa Thu sương giăng lá rụng, mùa Thu nghiêm nghị, trầm, buồn?

Cứ như thế, ngày tháng lặng lẽ trôi.

Vợ tôi sinh đứa con gái đầu lòng.

Vào một buổi bất ngờ, Vân đến thăm vợ tôi mà không cho tôi biết trước. Nàng đã lừa dịp tôi vắng nhà. Không biết hai người đàn bà đã tự giới thiệu với nhau như thế nào, nhưng chắc chắn là họ bờ ngõ không lâu. Vân thì biết rõ vợ tôi lắm. Không hiểu do đâu nàng biết vanh vách về thân thể vợ tôi, về tâm tính, về sở thích... biết nhiều hơn tôi nữa vì có cả những điều, hình như không có thật. Vợ tôi thì cũng đã quen với nàng qua những lời tôi kể lại và câu chuyện Clémentine tôi đang viết dở dang.



Chiều hôm ấy, vợ tôi báo tin cho tôi biết:

- Xế hôm nay có khách.

- .....?

- Cô Vân.

Đôi môi tôi nhúu lại vì việc xảy ra hơi đột ngột, tôi không kịp chuẩn bị.

- Em thấy thế nào?

- Đẹp... dễ yêu lắm.

Tôi lo lắng hỏi:

- Cô ấy đến nhằm lúc em đang làm gì?

- Em đang hái hoa bí.

Ngập ngừng một giây, vợ tôi tiếp:

- Em ngỡ ngàng quá vì mình đang mặc cái áo cánh nâu. Và mời vào nhà thì lại để xem con mình nằm trong cái nôi bằng tre đan.

Tôi ái ngại nhìn kỹ vợ tôi.

Ba năm lam lũ trong hoàn cảnh chiến tranh, chúng tôi đã trót quen đi với sự bần hàn. Thói quen bắt đầu từ lúc nào, tôi cũng không có dịp nhận xét kỹ. Thoát được vòng vây của Pháp mà về đến đây, vợ tôi không còn mang theo được một tí đồ dùng gì thuộc thời đại văn minh cơ khí hết. Những cái áo cánh bằng vải thô tự tay vợ tôi may và nhuộm lấy. Chẳng khó gì: giã hạt cau già để nhuộm màu nâu, giã than bếp để nhuộm màu xám. Đi đâu thì mặc quần lĩnh - mà ít có dịp đi đâu lắm - còn ở nhà thì mặc quần vải nhuộm chàm xanh rồi phủ bùn đen. Giặt dấm nước thì bùn đen bay đi, còn lỗ chỗ xanh. Tội nghiệp là vợ tôi tiếp Vân với bộ y phục nghèo nàn ấy.

Mà lại nhằm lúc đang hái hoa bí.

Tôi nghĩ đến cái giàn bí ngô của chúng tôi.

Đầu mùa thu, tôi gieo hạt bí, chăm sóc để trông ngày ra trái. Nhưng lạ quá, giàn bí không chịu kết trái mà cứ bò thật dài, bò mãi, cái giàn bí được nối dài, nối thêm, ba lần, năm bận, vẫn chưa đủ sức cho bí bò. Và cứ đục ra hoa đục! Vợ tôi lại sáng sáng cầm rổ ra ngắt hoa bí đục để luộc làm rau. Đời sống thanh đạm thật quá sức tưởng tượng. Nhưng thấy xung quanh ai cũng khổ nên chúng tôi không quên rằng mình đang khổ. Mùa đông, không còn được mặc áo len, áo choàng, áo nỉ, vợ tôi đành mặc một lần ba, bốn cái áo cánh vải.

Nhưng điều khiến cho vợ tôi đau khổ nhất là phải nuôi con trong sự thiếu thốn. Không có nôi, không có xe, không có màn tuyền, không có bình thủy để pha sữa và không có sữa, không có

búp bê... không có gì cả! Vợ tôi tủi thân khi nghĩ rằng mới bốn năm năm trước, mình còn may áo đẹp cho búp bê, đặt trên xe, để ở phòng học...

Mười ngày sau, Vân gọi sang cho vợ tôi một người vú. Nàng phải về tận Sông Cầu để tìm thuê giúp. Vợ tôi cảm ơn lắm vì vào lúc bấy giờ tìm thuê được một người vú khó hơn tìm bán được một con voi. Cuộc giao thiệp giữa hai người đàn bà bắt đầu dưới dấu hiệu của sự thân ái.

Nhưng với tôi, Vân không ngớt là một nguồn gây bối rối. Vào hạ bán niên 1948, nàng vào làm việc ở Tòa Hành chánh tỉnh. Tôi có dịp đề gặp nàng nhiều hơn, nhưng chỉ thấy và gặp chớ chúng tôi ít trò chuyện với nhau. Tính tôi thành thật quá, thành thật đến ngay thơ, cứ tưởng điều mình nghĩ là ai cũng biết rõ hết. Do đó mà chẳng lúc nào tôi tìm gặp nàng, hoặc nếu muốn sắp đặt một cuộc gặp thì phải có một chủ đích, với một ý nghĩa, một nội dung. Thật là công thức, thật là nguyên tắc! Tôi đã lý tưởng hóa một mối tình. Mối tình bắt đầu quá trong sạch, làm tôi e sợ không dám vãn đục một tí. Cuộc sống tâm tình thành ra bị bức thúc đến ngạt thở.

Thảng hoặc mới có một sự cởi mở. Đó là những lúc tôi nhận được thư Vân. Xen giữa những đoạn hỏi thăm, thỉnh thoảng nàng để hé một mảnh lòng:

“...Nhìn ra ngoài trăng sáng... Cánh đồng Phú Long dải ánh trăng lạnh... Em tưởng tượng được đi cạnh anh... Nhưng thôi, nói nhảm anh đừng tin nhé!...”

...Khuya, chợt tỉnh giấc, em nằm thao thức. Vụt mong: ước gì có cánh bay qua nhà anh, nhìn xem con anh ngủ. Chắc môi nó nở nụ cười giống anh...”

Sau những đoạn thư êm đềm như thế thì thường là những đoạn hỏi hặn:

“...Đọc xong, anh đốt những thư em đi... Nhớ nhé. Và nhất thiết từ giờ em không gửi thư cho anh nữa. Em không gặp anh nữa đâu. Ghét em đi. Yêu chị cho rõ nhiều. Yêu bao nhiêu cũng chưa đủ. Ghét em đi. Đừng nói chuyện gì về em với chị. Anh nhớ nhé? Chị tốt lắm, tốt lắm... Nhưng làm đàn bà, em hiểu...”

Tôi đưa mắt nhìn ra xa lắm bầm nhắc lại:

- Nhưng làm đàn bà, em hiểu...

Tôi bắt đầu hiểu.

Vài bức thư của Vân, tôi xem xong, bỏ quên ở túi áo. Vợ tôi lúc đưa giặt, nhặt được, đem cài ở tập Clémentine đang viết dở. Mỗi lần như vậy, tôi lại nghĩ đến câu Vân viết:

Nhưng làm đàn bà, em hiểu...

Tuy vậy, tôi không thấy vợ tôi tỏ thái độ nào cả. Vẫn hiền lành, kín đáo. Thỉnh thoảng tôi nhắc đến Vân thì vợ tôi vẫn êm đềm nói đến nàng và không ngớt cảm ơn nàng. Dù vậy, tôi không khỏi bị ám ảnh vì câu nói của Vân:

Nhưng làm đàn bà, em hiểu...

Tôi đi sâu thêm vào lý luận. Tôi đặt thêm giả thiết. Tôi tự hứa không nên chủ quan để đến nỗi nhìn lệch, nhìn cận thị. Tôi phải tinh tế hơn.

Thường thường những khi ru con ngủ, vợ tôi hay hát ru khe khẽ những điệu Valses của Strauss. Giọng nhạc nhí nhảnh, đầy tràn nhựa sống, say sưa, đầy ánh sáng, đầy màu xanh của bầu trời Áo quốc và sông Đa-nuýp thường làm cho vợ tôi quên bớt thực tại thiếu thốn để trở về với sự êm đềm hồi còn trẻ tuổi. Nhưng từ lúc nào không rõ, có lẽ chừng một hai tháng nay, thỉnh thoảng tôi nghe xen vào những điệu lạ, hơi buồn hơn. Hỏi, thì vợ tôi bảo:

- Bài Berceuse của Chopin.

- Bài Ave Maria của Schubert.

Tôi bắt đầu thoáng hiểu.

Tôi kính trọng đạo đức của vợ tôi, đã đành, nhưng tôi không có quyền làm nàng cô đơn hơn. Ngoài tôi và đứa con yêu dấu đầu lòng, vợ tôi yêu tha thiết những gì ở gần cạnh chúng tôi: con gà mái tơ vừa nhảy ổ, giàn bí đầy hoa vàng, bờ tre gần cửa sổ với những chùm lá nhọn rũ xuống, trông như những bàn tay và lóng lánh qua lũy tre là con sông xanh loang loáng nước. Vợ tôi cố yêu cái hoàn cảnh mới mẻ và thiếu thốn này, vừa cố quên đi dĩ vãng. Nhưng thỉnh thoảng dĩ vãng sống dậy mãnh liệt trong lòng nàng những khi nàng cô đơn. Tôi nhớ có đôi lần tôi đi đâu về, nhẹ nhàng bước vào phòng, thấy nàng ngồi trước bàn viết, mười ngón tay thoăn thoắt chạy trên mép bàn, miệng lầm nhảm một điệu nhạc cổ điển và mắt nhìn thần thờ ra cửa sổ. Tôi đứng yên lặng, cảm động muốn rơi nước mắt. Như vậy, lẽ nào tôi còn muốn đem thiếu thốn cộng thêm vào thiếu thốn? Không, không được. Vợ tôi đã nghe theo bổn phận mà dập tắt đi những tiếng nói tình cảm. Tôi không hẳn làm trái lại nhưng tôi đã dễ dãi với tôi hơn. Như thế là không công bình. Phải, như thế là không công bình. Tôi phải công bình hơn.

Tôi nghĩ đến Vân. Và tôi gặp lại cái ý nghĩ tôi đã nhiều lần có về nàng: nàng đối với tôi như không có thật, như cái bóng, có lẽ không là cái bóng nữa mà chỉ là mùi hương thoảng thoảng. Xung quanh tôi, mùi súng đạn, thực tại chiến tranh nhọc nhằn, nguy hiểm, những nhiệm vụ khắc khổ dồn dập như đè nặng lấy chúng tôi. Thỉnh thoảng gọi lên được một sự êm đềm, nghe một lời âu yếm thoảng qua, tôi có cảm tưởng như đang ở trong căn nhà hẹp mà được cửa sổ nhìn ra vườn hoa lá, thở một luồng không khí mát, ngợp vì một ít ánh sáng rung rinh và thoáng xa có tiếng chim ca.

Nhưng mùa qua chim dần lơi tiếng ca.

Tôi đã vì vợ tôi mà nghiêm khắc xét vấn đề thì cũng đã đến lúc tôi phải vì Vân mà sáng suốt giải quyết lối cư xử.

Vân hiện thời có thể không phải hoàn toàn là của anh Nhã, nhưng hoàn toàn không phải của tôi. Vân là của rủi may, của ngẫu nhiên, của định mệnh. Điều này chắc chắn lắm vì nàng trẻ và đẹp thế kia!

Hết những người này yêu nàng đến những người khác yêu và chuẩn bị yêu. Nàng quả là con chim đẹp đang dè dặt chọn cành mà đậu. Cuộc đời là vậy. Cuộc đời, tuy như con đường trăm ngã, nhưng ngã nào cũng rốt cuộc quy về một hướng. Ta hay tự phụ, không muốn đi theo con đường cũ của tôi đại đa số những người khác đã đi. Ta tin rằng ta có thể khác người, ta mở những kỷ nguyên mới. Hảo huyền cả! Phá xiềng xích, đập vỡ thành kính, ta đi con đường của

ta, say sưa, tin tưởng... Nhưng, nhẫn nại hơn và mạnh mẽ chắc chắn hơn, cuộc đời thường khéo sắp xếp thế nào cho ta trở lại con đường cũ của mọi người lúc nào ta không biết.

Vân cũng sẽ như mọi người, nghĩa là phải sắp đặt để tìm người cùng xây dựng cuộc đời. Tôi phải nhìn vấn đề một cách thực tế. Tôi không được ích kỷ. Hạnh phúc của nàng - phải là cứu cánh của mọi sự giải quyết. Tôi có nhiệm vụ phải xa nàng, nhường con đường rộng rãi cho một người khác sẽ tiến đến để cùng nàng song song bước.

Suy nghĩ kỹ, một chiều chúa nhật tôi ngồi đọc những thư nàng viết, sống lại từng mẫu tâm trạng kể từ lúc chúng tôi gặp nhau. Trí óc tôi lần lượt trở về với bốn năm dĩ vãng. Ngồi trước đồng thư, tôi tưởng tượng như đang cầm tay nàng cùng đi trở về thăm lại cảnh cũ, những kỷ niệm ngày xưa, sống trọn một ngày bên nhau trước khi phải từ giã nhau mãi mãi, mỗi người đi theo một con đường, một định mệnh. Giờ từ giã đã đến.

Xóa hết dĩ vãng!

Tôi cầm diêm bật xòe lên châm vào đồng lá thư.

Nhưng xóa hết dĩ vãng? Xóa hết? Liệu có xóa được không? Tiếng “xóa hết” nghe như giả dối và cái cử chỉ đốt cũng giả dối như vậy.

Tôi vút que diêm xuống đất.

- Người ta không xóa được cái gì ở trong lòng, chỉ có thể gấn chôn chặt đi mà thôi, tôi lắc đầu lẩm bầm.

Tôi xếp gọn các tờ thư lại, bỏ vào một phong bì lớn. Tôi dán lại cẩn thận, niêm lại thật kín. Tôi chôn những lời lẽ của nàng trong phong bì kín này, tự nguyện không mở ra đọc nữa cũng như tôi chôn mối tình của nàng trong lớp sâu thẳm của hồn tôi, tự nguyện không khơi vắn lên nữa.

Phong bì đặt trước mặt tôi kia, những lời tâm tình đã chôn kín trong đó. Một sự cách trở đã xảy ra để mắt tôi không còn nhìn được nét chữ của nàng, để hồn tôi không còn rung động theo nhịp điệu của tâm hồn nàng rung động trong lời thư. Sự cách trở mỏng manh bằng sức mỏng manh của tờ giấy, nhưng lòng tôi đã nguyện thì giấy cũng đủ chắc, đủ bền, đủ gây một sự cách trở khó vượt.

Tôi ngồi lặng đi hồi lâu. Xung quanh tôi, cảnh vật hình như cũng lặng lẽ. Trong sự êm ả cô tịch, tôi lắng nghe có một vị đắng từ đâu đưa lên thấm nhẹ ở đầu lưỡi, vừa thoáng nghe một tiếng thổn thức, một tiếng thở dài...

## Võ Hồng

Nguồn: <http://www.vohong.de>

PB 05042013